

# **BÁO CÁO**

## **RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 113/2009/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ VỀ GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ**

### **I. TỔNG QUAN VỀ CƠ SỞ PHÁP LÝ CHO CÔNG TÁC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ**

#### **1. Khái quát chung**

Cùng với quá trình hình thành và hoàn thiện cơ chế chính sách trong lĩnh vực đầu tư phát triển, công tác giám sát, đánh giá đầu tư cũng dần hình thành và hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu kiểm tra, giám sát của nhà nước, nhân dân đối với hoạt động đầu tư, cụ thể:

(1) Thực hiện quy định tại khoản 7 Điều 20 Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 01/2000/TT-BKH ngày 10/01/2000, đây được coi là khung khổ pháp lý đầu tiên cho công tác giám sát, đánh giá đầu tư, trong nội dung của văn bản này đã xác định, đây là một nhiệm vụ mới, nhiều nội dung cần được thí điểm và bổ sung trong quá trình thực hiện.

(2) Ngày 30/01/2003, Chính phủ ban hành Nghị định số 07/2003/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 của Chính phủ. Căn cứ quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 03/2003/TT-BKH ngày 19/5/2003 hướng dẫn công tác giám sát, đánh giá đầu tư.

Theo các quy định tại Thông tư số 03/2003/TT-BKH ngày 19/5/2003 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nội dung các quy định về công tác giám sát, đánh giá đầu tư đã được điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện thêm một bước.

(3) Thực hiện chủ trương phân cấp đầu tư, chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm của Chính phủ, Luật số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009 được Quốc hội khóa XII ban hành và có hiệu lực từ ngày 01/8/2009, đã bổ sung Điều 40a trong Luật Xây dựng quy định về công tác giám sát, đánh giá đầu tư.

Trên cơ sở Điều 40a nêu trên và Điều 84 của Luật Đầu tư, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 113/2009/NĐ-CP ngày 15/12/2009 về giám sát và đánh giá đầu tư.

#### **2. Các nội dung chính của Nghị định số 113/2009/NĐ-CP**

##### **2.1. Về mục tiêu:**

Công tác giám sát, đánh giá đầu tư là nhằm giúp người quyết định đầu tư, các cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư nắm được tình hình thực hiện các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền, có giải pháp kịp thời xử lý các vướng mắc, biến động,

phát sinh trong quá trình thực hiện dự án, bảo đảm hiệu quả của công tác đầu tư; đồng thời cũng ràng buộc trách nhiệm của người quyết định đầu tư, các cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư trong việc bố trí các nguồn lực đầu tư cho các dự án cho phù hợp với tiến độ đầu tư, bảo đảm cân đối vĩ mô về cơ cấu, lĩnh vực đầu tư trong tổng thể nền kinh tế - xã hội.

## **2.2. Về nội dung:**

- Giám sát, đánh giá đầu tư là hoạt động theo dõi, kiểm tra và đánh giá mức độ đạt được của quá trình đầu tư so với yêu cầu và mục tiêu đặt ra của các chủ thể đầu tư và các cấp quản lý. Giám sát, đánh giá đầu tư gồm giám sát, đánh giá dự án đầu tư và giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư:

+ Giám sát, đánh giá dự án đầu tư là việc theo dõi, kiểm tra và đánh giá (đánh giá ban đầu, đánh giá giữa kỳ, đánh giá kết thúc, đánh giá tác động, đánh giá đột xuất) quá trình đầu tư của từng chương trình, dự án đầu tư.

+ Giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư là việc theo dõi, kiểm tra và đánh giá hoạt động đầu tư trong phạm vi chung của toàn bộ nền kinh tế, ngành, lĩnh vực hoặc một địa bàn lãnh thổ, cũng như một tổ chức kinh tế lớn bao gồm nhiều đơn vị thành viên.

- Giám sát, đánh giá đầu tư được thực hiện liên tục (định kỳ hoặc đột xuất) trong các khâu, các bước của quá trình đầu tư.

### ***a) Về công tác theo dõi dự án đầu tư, bao gồm 3 hoạt động:***

- Theo dõi dự án đầu tư của Chủ đầu tư.

- Theo dõi dự án đầu tư của người có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc người có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

- Theo dõi dự án đầu tư của các cơ quan quản lý về đầu tư.

### ***b) Về công tác kiểm tra dự án đầu tư, bao gồm 3 hoạt động:***

- Kiểm tra dự án đầu tư của Chủ đầu tư.

- Kiểm tra dự án đầu tư của người có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc người có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

- Kiểm tra dự án đầu tư của các cơ quan quản lý về đầu tư.

### ***c) Về công tác đánh giá dự án đầu tư:***

Đối với dự án sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên bao gồm 5 loại đánh giá: Đánh giá đầu kỳ, đánh giá giữa kỳ, đánh giá kết thúc, đánh giá tác động, đánh giá đột xuất.

Các dự án khác, khuyến khích chủ đầu tư thực hiện theo các loại đánh giá nêu trên.

## **2.3. Chế độ báo cáo, thời hạn báo cáo:**

### ***a) Chế độ báo cáo***

(1) Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ về đánh giá tổng thể đầu tư hàng năm và từng thời kỳ kế hoạch theo yêu cầu của Chính phủ; tổng hợp báo cáo về giám sát tổng thể đầu tư, trong đó bao gồm nội dung báo cáo tổng hợp giám sát, đánh giá dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A trong phạm vi toàn quốc 6 tháng và cả năm;

(2) Các Bộ, ngành, địa phương, Tập đoàn kinh tế nhà nước và Tổng công ty 91 của nhà nước định kỳ báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư về giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư 6 tháng và cả năm để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Các đơn vị trực thuộc bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên theo quy định của các Bộ, ngành và địa phương;

(3) Chủ đầu tư các dự án sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên:

Báo cáo tháng cho người có thẩm quyền quyết định đầu tư;

Báo cáo quý, 6 tháng và năm cho cơ quan chủ quản của mình;

Báo cáo giám sát đầu tư khi điều chỉnh dự án cho người có thẩm quyền quyết định đầu tư và cơ quan đầu mối thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư thuộc cơ quan chủ quản của mình;

Chủ đầu tư dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A ngoài việc lập và gửi báo cáo giám sát, đánh giá dự án đầu tư đến cơ quan đầu mối thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư thuộc cơ quan chủ quản của mình, đồng thời gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo quý, 6 tháng, năm và báo cáo khi điều chỉnh dự án để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

(4) Chủ đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn khác:

Báo cáo 6 tháng và năm cho cơ quan đầu mối thực hiện giám sát đánh giá đầu tư thuộc Cơ quan chủ quản và Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

#### ***b) Thời hạn báo cáo định kỳ***

(1) Chủ đầu tư: Gửi báo cáo tháng đến người có thẩm quyền quyết định đầu tư trước ngày 05 của tháng tiếp theo. Gửi báo cáo quý về giám sát, đánh giá dự án đầu tư đến các cơ quan đầu mối thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư thuộc cơ quan chủ quản của mình và Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp (đối với dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A) trước ngày 10 của tháng đầu quý tiếp theo.

(2) Các Bộ, ngành và địa phương: Báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư về giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư trước ngày 20 tháng 7 hàng năm (đối với báo cáo 6 tháng) và 20 tháng 01 năm sau (đối với báo cáo năm).

(3) Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư trước ngày 20 tháng 8 hàng năm (đối với báo cáo 6 tháng) và trước ngày 20 tháng 02 năm sau (đối với báo cáo năm).

(4) Các cơ quan thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư có thể có báo cáo đột xuất khi cần thiết và khi có yêu cầu của cơ quan cấp trên.

## **2.4. Trách nhiệm và xử lý vi phạm:**

### ***a) Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư:***

(1) Thủ trưởng các Bộ, ngành, địa phương, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về các hậu quả do không tổ chức thực hiện việc giám sát, đánh giá đầu tư hoặc không báo cáo theo quy định.

(2) Các cơ quan được giao nhiệm vụ thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư phải chịu trách nhiệm về nội dung các báo cáo của mình.

(3) Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo của mình và phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về mọi hậu quả phát sinh do không thực hiện hay thực hiện không đầy đủ các quy định về giám sát, đánh giá đầu tư hoặc do báo cáo, cung cấp thông tin sai sự thực về tình hình thực hiện đầu tư trong phạm vi mình quản lý.

(4) Các Bộ, ngành, địa phương phải xem xét và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh, các kiến nghị của cơ quan giám sát, đánh giá đầu tư, Chủ đầu tư về những vấn đề thuộc quyền hạn và trách nhiệm của mình trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của bên có liên quan và chịu trách nhiệm về việc xử lý thuộc thẩm quyền hoặc báo cáo kịp thời với cấp trên các vấn đề vượt thẩm quyền.

### ***b) Xử lý vi phạm các quy định về giám sát, đánh giá đầu tư***

(1) Trong thời hạn quy định mà các Bộ, ngành, địa phương không gửi báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư thì Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ báo cáo Thủ tướng Chính phủ và kiến nghị các hình thức xử lý thích hợp.

(2) Đối với các dự án sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên, Chủ đầu tư không thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo thì cơ quan thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư cần báo cáo cấp có thẩm quyền và kiến nghị các hình thức xử lý về hành chính (2 kỳ liền không có báo cáo hoặc 3 kỳ không báo cáo, đề nghị hình thức cảnh cáo; 3 kỳ liền không có báo cáo hoặc 6 kỳ không báo cáo, đề nghị chuyển công tác những người có liên quan thực hiện nhiệm vụ khác).

Các dự án không thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư 2 kỳ liền hoặc 3 kỳ trở lên trong năm trước sẽ không được ghi vốn kế hoạch năm sau.

(3) Các cấp có thẩm quyền không được phép điều chỉnh dự án đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án không thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư thường kỳ theo quy định.

### ***c) Xử lý các vi phạm về quản lý đầu tư trong quá trình giám sát, đánh giá đầu tư:***

(1) Các cơ quan thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư báo cáo kịp thời các cấp có thẩm quyền những trường hợp vi phạm về quản lý đầu tư thuộc cấp mình quản lý để xử lý theo quy định;

(2) Các cơ quan thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư cố tình che giấu các trường hợp vi phạm về quản lý đầu tư sẽ chịu trách nhiệm liên đới trước pháp luật về các sai phạm và hậu quả gây ra.

## **2.5. Về cơ cấu hệ thống thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư:**

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối giúp Thủ tướng Chính phủ tổ chức thực hiện giám sát và đánh giá đầu tư.

b) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư trong phạm vi ngành, lĩnh vực.

Các Bộ, ngành giao một đơn vị cấp Vụ làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ về giám sát, đánh giá đầu tư.

c) Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do Sở Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ về giám sát, đánh giá đầu tư.

d) Các Tập đoàn kinh tế nhà nước, Tổng công ty 91 của Nhà nước chỉ định bộ phận chịu trách nhiệm thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ về giám sát, đánh giá đầu tư của doanh nghiệp.

đ) Chủ đầu tư sử dụng ban quản lý dự án hoặc chỉ định bộ phận chịu trách nhiệm thường xuyên thực hiện nhiệm vụ về giám sát, đánh giá đầu tư.

## **II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH 113/2009/NĐ-CP**

### **1. Tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

#### **1.1. Về hướng dẫn các nội dung của Nghị định số 113/2009/NĐ-CP ngày 15/12/2009:**

Theo quy định của Nghị định số 113/2009/NĐ-CP, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành 3 Thông tư hướng dẫn thực hiện, bao gồm:

- Thông tư số 13/2010/TT-BKH ngày 02/6/2010, về mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư (Thông tư 13/2010/TT-BKH).

- Thông tư số 22/2010/TT-BKH ngày 02/12/2010, quy định về định mức chi phí giám sát, đánh giá đầu tư (Thông tư 22/2010/TT-BKH).

- Thông tư số 23/2010/TT-BKH ngày 13/12/2010, quy định về điều kiện năng lực của tổ chức và cá nhân thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư (Thông tư 23/2010/TT-BKH).

Với việc hướng dẫn nêu trên, các quy định về pháp lý trong công tác giám sát, đánh giá đầu tư đã được hoàn thiện, đáp ứng việc cung cấp thông tin, tổng hợp thông tin, đề xuất, đánh giá, kiến nghị thông qua việc giám sát, đánh giá đầu tư.

Hiện tại, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang chủ trì thực hiện Dự án tin học hóa công tác báo cáo, tổng hợp báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư với mục tiêu hiện đại hóa, tin học hóa công tác này.

## **1.2. Về công tác hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ:**

Theo yêu cầu của các Cơ quan, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thường xuyên cử nhiều đợt cán bộ, công chức tham gia giảng dạy, hướng dẫn nghiệp vụ cho nhiều Bộ, ngành, địa phương, thông qua đó nâng cao chất lượng cho đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư tại các cơ sở.

## **1.3. Về công tác kiểm tra, giám sát thực tế:**

Theo chức năng nhiệm vụ, hàng năm định kỳ hoặc đột xuất, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng kế hoạch để kiểm tra, thanh tra tổng thể đầu tư tại một số Bộ, ngành, địa phương và một số dự án cụ thể. Kết quả thanh tra, kiểm tra và các kiến nghị cụ thể liên quan đến từng Bộ, ngành, địa phương được Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trong các Thông báo kết luận của từng cuộc thanh tra, kiểm tra cụ thể và báo cáo tổng kết công tác thanh tra, kiểm tra hàng năm, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và gửi tới các Bộ, ngành, địa phương liên quan.

Thông qua các cuộc thanh tra, kiểm tra, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng đã lồng ghép các nội dung trao đổi và chấn chỉnh về việc thực hiện các quy định của pháp luật của các Cơ quan; xem xét tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong quá trình đầu tư; tiếp thu các ý kiến đóng góp từ các Cơ quan góp phần hoàn thiện các cơ chế chính sách thuộc thẩm quyền, kiến nghị nhiều vấn đề và các giải pháp xử lý tới Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan liên quan, nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động đầu tư.

## **1.4. Về công tác tổng hợp báo cáo:**

Định kỳ 6 tháng, một năm, trên cơ sở kết quả công tác kiểm tra, giám sát và các báo cáo tổng hợp của các cơ quan, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp Báo cáo về công tác giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư cả nước trình Thủ tướng Chính phủ. Để bảo đảm chất lượng, trước mỗi kỳ báo cáo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đều có văn bản đôn đốc nhắc nhở gửi các Cơ quan tổng hợp và gửi báo cáo về công tác giám sát, đánh giá đầu tư về Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Trong báo cáo tổng hợp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phân tích và tổng hợp về một số nội dung chính liên quan đến tình hình đầu tư trên phạm vi cả nước và tổng hợp các số liệu liên quan đến quản lý các dự án đầu tư như: số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ, số dự án khởi công mới, số dự án chuyển tiếp, số dự án phải điều chỉnh, số dự án chậm tiến độ, số dự án hoàn thành, đưa vào khai thác, sử dụng.

Kết quả của các báo cáo tổng hợp giúp các cơ quan quản lý nhà nước nắm được các thông tin về tình hình đầu tư tại các Bộ, ngành, địa phương, tập đoàn kinh tế nhà nước và tổng công ty 91 của nhà nước, trên cơ sở đó có các giải pháp tốt hơn trong việc xây dựng cơ chế, chính sách, điều hành kinh tế vĩ mô. Thông qua báo cáo tổng hợp công tác giám sát, đánh giá đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng đã có nhiều kiến nghị về các giải pháp để chấn chỉnh và nâng cao hiệu quả của hoạt động đầu tư.

Kết quả tổng hợp tình hình giám sát, đánh giá các dự án đầu tư trong thời gian qua cho thấy tình trạng các dự án đầu tư chậm tiến độ vẫn còn phổ biến, chiếm khoảng 10% số dự án thực hiện trong kỳ báo cáo. Số liệu chi tiết về số dự án chậm tiến độ được tổng hợp tại Bảng 1.

**Bảng 1. Tổng hợp số dự án chậm tiến độ theo các năm**

TT	Năm	Số dự án chậm tiến độ	Số dự án đầu tư trong năm	Tỷ lệ	Ghi chú
1	2010	3.386	34.607	9,78%	Dự án sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên
2	2011	4.436	38.420	11,55%	
3	2012	4.063	34.509	11,77%	

Tình trạng chậm tiến độ của các dự án chủ yếu do các nguyên nhân như: Khó khăn trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư; do bố trí vốn không kịp thời; thủ tục đầu tư; năng lực của chủ đầu tư; năng lực của các nhà thầu thực hiện dự án; thủ tục nghiệm thu, thanh, quyết toán. Chậm tiến độ là một trong những nguyên nhân chính làm tăng tổng mức đầu tư, làm cho các dự án đầu tư giảm hoặc không còn hiệu quả đầu tư. Việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án góp phần đáng kể vào việc nâng cao hiệu quả đầu tư của các dự án nói riêng của hoạt động đầu tư nói chung.

## **2. Tại các Bộ, ngành, địa phương**

### **2.1. Về việc ban hành các văn bản hướng dẫn:**

Các Bộ, ngành, địa phương (gọi chung là Cơ quan) đều xác định công tác giám sát, đánh giá đầu tư là một nhiệm vụ quan trọng trong quá trình đầu tư, nhằm phát hiện và xử lý những vướng mắc, khó khăn trong quá trình đầu tư tới các cấp, ngành liên quan, trên cơ sở đó góp phần đẩy nhanh tiến độ, chất lượng và hiệu quả đầu tư.

Một số Cơ quan ban hành các văn bản hướng cụ thể thêm các quy định của Nghị định số 113/2009/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Một số Cơ quan cho rằng, Nghị định số 113/2009/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã quy định đầy đủ các vấn đề liên quan đến công tác giám sát, đánh giá đầu tư nên không ban hành thêm các văn bản hướng dẫn.

Trong số 84 Cơ quan có báo cáo gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, có 51 Cơ quan không ban hành thêm văn bản hướng dẫn (14 Bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ; 8 Tập đoàn, tổng công ty; 29 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương), 33 Cơ quan ban hành thêm các văn bản hướng dẫn quy trình, nội dung, giám sát, đánh giá đầu tư các dự án thuộc thẩm quyền (6 Bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ; 8 Tập đoàn, tổng công ty; 19 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

Tuy nhiên, trước các kỳ báo cáo, các Cơ quan đều có văn bản đôn đốc, đề nghị các chủ đầu tư, ban quản lý dự án thuộc phạm vi quản lý chấp hành nghiêm công tác giám sát, đánh giá đầu tư và báo cáo theo quy định.

## **2.2. Về nguồn nhân lực và công tác hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ:**

### ***a) Về nguồn nhân lực:***

Về cơ bản, bộ máy giám sát, đánh giá đầu tư tại các Cơ quan đã được hình thành, hầu hết các Cơ quan đều có đầu mối thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư. Tuy nhiên, bộ máy và cán bộ thực hiện vẫn chủ yếu là kiêm nhiệm, không ổn định, đặc biệt là tại cấp xã phường, năng lực cán bộ còn nhiều hạn chế.

Việc có hệ thống bộ máy thống nhất từ cấp Trung ương đến địa phương (tới cấp xã, phường) cùng với các quy định về biên chế cụ thể cho từng cấp là vấn đề cần xem xét, bổ sung trong thời gian tới, đây là cơ sở để bảo đảm hiệu quả cho công tác giám sát, đánh giá đầu tư.

### ***b) Về công tác đào tạo:***

Xác định nguồn nhân lực là yếu tố quyết định, các Cơ quan đã tích cực, chủ động phối hợp với các Trung tâm đào tạo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư mở các lớp cập nhật, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về giám sát, đánh giá đầu tư cho nhiều lượt cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng có liên quan đến quá trình thực hiện các dự án đầu tư. Thông qua đó, số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ được tăng cường, nhận thức về công tác giám sát, đánh giá đầu tư được cải thiện. Tuy nhiên, do điều kiện địa bàn rộng, nguồn kinh phí đào tạo còn hạn chế, một số cán bộ vẫn chưa được cập nhật và đào tạo về các quy định liên quan, do vậy, để bảo đảm tính bền vững, các Cơ quan cần coi đây là nhiệm vụ thường xuyên cần duy trì và thực hiện hàng năm.

## **2.3. Về công tác tổng hợp báo cáo:**

Theo quy định của Nghị định số 113/2009/NĐ-CP, để có số liệu tổng hợp, các Bộ ngành, địa phương cũng định kỳ 6 tháng, một năm tổng hợp và gửi báo cáo về công tác giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, do vậy chất lượng báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng và số lượng các báo cáo tổng hợp của các Cơ quan tại từng thời điểm báo cáo. Chất lượng báo cáo của các Cơ quan lại phụ thuộc vào chất lượng và số lượng của các Chủ đầu tư, các đơn vị trực thuộc (cấp tỉnh phụ thuộc vào cấp huyện, cấp xã,...).

### ***a) Về số lượng báo cáo của các Cơ quan:***

Các Cơ quan hoàn thành và gửi báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư định kỳ đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư có xu hướng tăng.



**Bảng 2. Tổng hợp tình hình thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư của các Cơ quan**

TT	Kỳ báo cáo	Số đơn vị gửi báo cáo	Số đơn vị phải gửi báo cáo	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Năm 2010	112	124	90,30	
2	Năm 2011	110	124	88,71	
3	Năm 2012	119	123	96,75	

Theo báo cáo của các Cơ quan, tỷ lệ các dự án có sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên thuộc phạm vi quản lý có báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư các kỳ cụ thể như sau:

**Bảng 3. Tình hình thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư tại các Cơ quan**

TT	Kỳ báo cáo	Số dự án có báo cáo giám sát	Số thực hiện trong năm	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Năm 2010	20.332	34.607	58,8	
2	Năm 2011	26.125	38.420	68,0	
3	Năm 2012	20.410	34.509	59,14	

Như vậy, mặc dù số các báo cáo gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư tương đối đạt yêu cầu (xấp xỉ 90%) nhưng số lượng các dự án trực thuộc các Cơ quan có báo cáo vẫn đạt rất thấp (khoảng 60%), điều này ảnh hưởng nhiều đến chất lượng các báo cáo tổng hợp, do vậy các Cơ quan cần phải quan tâm hơn nữa đến việc đôn đốc, chấn chỉnh công tác giám sát, đánh giá đầu tư thuộc phạm vi quản lý.

**b) Về nội dung và chất lượng:**

Nội dung và chất lượng các báo cáo được cải thiện rõ rệt, kỳ sau tốt hơn các kỳ trước, các mẫu biểu báo cáo, chất lượng nội dung báo cáo phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 13/2010/TT-BKH.

Nhiều Cơ quan thực hiện tốt công tác tổng hợp báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư gửi đúng thời hạn, chất lượng bảo đảm như Bộ Công Thương, thành phố Hồ Chí Minh, Nam Định, Ninh Bình, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam,...

Tuy vậy trong các kỳ báo cáo, bên cạnh các Cơ quan có báo cáo gửi đúng hạn, nội dung đề cập tương đối đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định cũng còn một số cơ quan còn tình trạng sai sót, số liệu thiếu tính hợp lý. Báo cáo của một số cơ quan chưa đúng mẫu yêu cầu, nội dung chưa đầy đủ, thiếu phụ biểu, phụ biểu

được lập không theo mẫu quy định, thiếu số liệu, sai lỗi số học, một số cơ quan gửi báo cáo quá chậm,...

Tình hình thực hiện chế độ báo cáo nêu trên đã hạn chế việc phân tích, đánh giá tình hình đầu tư chung của cả nước, tính chuẩn xác của các số liệu tổng hợp và chưa thực sự đáp ứng yêu cầu, mục tiêu của công tác giám sát, đánh giá đầu tư.

Ngoài ra, theo quy định của Nghị định số 113/2009/NĐ-CP, các số liệu tổng hợp chưa phân được chi tiết theo từng nguồn vốn (ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, trái phiếu Chính phủ, ODA,...) mà mới phân được theo 2 nhóm: các dự án sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên và các dự án khác.

Điều 19 Nghị định số 113/2009/NĐ-CP đã quy định về các chế tài đối với các Cơ quan, đơn vị, cá nhân không thực hiện hoặc thực hiện không tốt công tác giám sát, đánh giá đầu tư. Tuy nhiên, theo khảo sát thực tế của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hiện tại, hầu hết các Cơ quan chưa xử lý các vi phạm theo quy định này.

Do vậy, công tác giám sát, đánh giá đầu tư trong thời gian tới cần tiếp tục đẩy mạnh việc cải thiện về nội dung, hình thức và tăng cường áp dụng các chế tài đối với các đối tượng thực hiện chưa tốt.

#### **2.4. Về công tác kiểm tra, giám sát thực tế:**

Theo báo cáo, các Cơ quan cũng đã xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát đầu tư đối với các đơn vị, Dự án thuộc phạm vi quản lý, thông qua đó đã xử lý nhiều vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ, chấn chỉnh công tác đầu tư của các đơn vị.

Nhiều Cơ quan làm tốt công tác kiểm tra như Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an,...

Tổng hợp theo số liệu báo cáo của 84 Cơ quan gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, số các dự án được giám sát, đánh giá trong 3 năm gần đây cụ thể như sau:

##### **a) Đối với các dự án đầu tư sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên:**

- Năm 2010: có 18.797 dự án được giám sát chiếm 67% so với tổng số dự án thực hiện đầu tư trong năm; số dự án được đánh giá là 12.948 dự án chiếm 46% so với tổng số dự án thực hiện đầu tư trong năm.

- Năm 2011: có 18.553 dự án được giám sát chiếm 74% so với tổng số dự án thực hiện đầu tư trong năm; số dự án được đánh giá là 11.497 dự án chiếm 46% so với tổng số dự án thực hiện đầu tư trong năm.

- Năm 2012: có 19.819 dự án được giám sát chiếm 70% so với tổng số dự án thực hiện đầu tư trong năm; số dự án được đánh giá là 11.777 dự án chiếm 42% so với tổng số dự án thực hiện đầu tư trong năm.

Chi tiết số liệu về số lượng các dự án giám sát, đánh giá đầu tư các năm qua được tổng hợp tại Bảng 4.

**Bảng 4. Tổng hợp tình hình thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư các dự án sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên**

TT	Nội dung	Số dự án được giám sát trong năm	Số dự án được đánh giá trong năm	Số DA thực hiện đầu tư trong năm
<b>I</b>	<b>Năm 2010</b>	<b>18.797</b>	<b>12.948</b>	<b>27.940</b>
	Nhóm A	217	130	299
	Nhóm B	2.443	1.633	3.641
	Nhóm C	16.137	11.185	24.000
<b>II</b>	<b>Năm 2011</b>	<b>18.553</b>	<b>11.497</b>	<b>24.989</b>
	Nhóm A	223	147	256
	Nhóm B	2.518	1.685	3.348
	Nhóm C	15.812	9.665	21.385
<b>III</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>19.819</b>	<b>11.777</b>	<b>28.116</b>
	Nhóm A	248	155	287
	Nhóm B	2.697	1.735	3.560
	Nhóm C	16.874	9.887	24.269

Số liệu trên cho thấy, số lượng và tỷ lệ các dự án được giám sát, đánh giá các năm không tăng, tình hình thực hiện công tác giám, đánh giá đầu tư mặc dù đã được quan tâm, nhưng chưa được cải thiện nhiều, cần tiếp tục được chấn chỉnh trong thời gian tới.

**b) Đối với các dự án sử dụng nguồn vốn khác:**

Các địa phương cũng đã chú trọng việc kiểm tra, giám sát đối với các dự án sử dụng nguồn vốn khác, thông qua việc kiểm tra nhằm tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ đầu tư cho các Nhà đầu tư, số liệu cụ thể được tổng hợp tại Bảng 5.

**Bảng 5. Tổng hợp tình hình thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn khác**

TT	Kỳ báo cáo	Số dự án được kiểm tra, đánh giá	Số dự án vi phạm được phát hiện	Số dự án bị thu hồi GCNĐT	Ghi chú
1	Năm 2010	4.108	475	294	
2	Năm 2011	4.466	481	338	
3	Năm 2012	2.528	419	441	

Thông qua việc kiểm tra đánh giá, nhiều dự án chậm tiến độ, không hiệu quả đã được chấn chỉnh hoặc đã đề nghị cấp thẩm quyền xem xét thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư. Tuy nhiên, với số liệu trên, các dự án được đầu tư từ nguồn vốn khác được kiểm tra và đánh giá hàng năm còn hạn chế, các Cơ quan cần quan tâm hơn trong thời gian tới.

### **3. Đánh giá chung về tình hình thực hiện Nghị định 113/2009/NĐ-CP**

#### **3.1. Về những ưu điểm**

- Nghị định số 113/2009/NĐ-CP của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư là một bước đột phá trong việc hoàn thiện cơ sở pháp lý của hoạt động giám sát, đánh giá đầu tư; nâng cao tính pháp lý của công tác giám sát, đánh giá đầu tư.

- Nâng cao trách nhiệm của người quyết định đầu tư trong quá trình kiểm tra, giám sát, bố trí nguồn lực phù hợp trong hoạt động đầu tư.

- Giúp người có thẩm quyền, cơ quan có thẩm quyền, người cấp Giấy chứng nhận đầu tư và các đơn vị cá nhân liên quan nắm bắt được thông tin kịp thời trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư; trên cơ sở đó giải quyết kịp thời các vướng mắc, phát sinh trong quá trình đầu tư, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, bảo đảm hiệu quả đầu tư.

- Chế tài cụ thể đối với các cá nhân, tổ chức liên quan, nhằm thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình đầu tư.

- Bước đầu giúp các Bộ, ngành, địa phương xây dựng và hoàn thiện cơ cấu tổ chức các đơn vị thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư trực thuộc.

- Quá trình theo dõi, kiểm tra, đánh giá, nhiều sai phạm đã được phát hiện, khắc phục và chấn chỉnh.

### **3.2. Những mặt hạn chế**

Mặc dù vậy, hoạt động giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định của Nghị định số 113/2009/NĐ-CP cũng còn một số hạn chế, cần cần khắc phục trong thời gian tới:

a) Về nội dung quy định của Nghị định 113/2009/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn thực hiện:

- Quy định hiện hành mới chia ra 2 loại dự án là dự án sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên và dự án khác, chưa phân phân khai được theo từng nguồn vốn theo Luật Ngân sách và các nguồn vốn nhà nước khác.

- Chế tài xử lý vi phạm trong giám sát, đánh giá đầu tư tuy đã được quy định rõ ràng, nhưng cần phải tiếp tục nghiên cứu sửa đổi để phù hợp tình hình thực tế và tính khả thi trong thực hiện.

- Thời lượng báo cáo và một số nội dung của mẫu báo cáo cần được sửa đổi cho phù hợp hơn với các dự án có quy mô nhỏ và các dự án đặc thù.

- Thông tư số 22/2010/TT-BKH đã quy định về định mức chi phí giám sát, đánh giá đầu tư. Tuy nhiên, hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về khoản mục chi, nên gây khó khăn trong triển khai thực hiện.

b) Về tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư:

- Lực lượng cán bộ làm công tác giám sát, đánh giá đầu tư còn mỏng, chủ yếu là kiêm nhiệm, một số cán bộ kinh nghiệm còn hạn chế, chưa được đào tạo sâu về chuyên môn nghiệp vụ đánh giá đầu tư.

- Cơ cấu tổ chức làm công tác giám sát, đánh giá đầu tư mới được hoàn thiện ở cấp Bộ, ngành và cấp tỉnh; cấp huyện chưa ổn định, cấp xã hầu như chưa có.

- Việc lập các báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư ở một số Cơ quan theo định kỳ còn hình thức, chất lượng báo cáo chưa cao, chưa mang tính tự giác, các kỳ báo cáo đều phải đôn đốc, nhắc nhở.

- Việc xử lý vi phạm trong giám sát, đánh giá đầu tư chưa được thực hiện nghiêm túc, đặc biệt là các vi phạm liên quan đến công tác báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư.

- Vẫn còn một số Cơ quan và nhiều chủ đầu tư chưa thực sự quan tâm đến công tác đánh giá dự án đầu tư theo quy định, đặc biệt là việc tổ chức đánh giá tác động của dự án đầu tư để làm rõ hiệu quả thực tế của dự án.

- Các báo cáo của các cơ quan và chủ đầu tư chủ yếu vẫn ở dạng báo cáo theo phương pháp truyền thống (qua đường công văn) chưa được tin học hóa,

nên gây nhiều khó khăn cho công tác theo dõi, tổng hợp và xử lý thông tin liên quan đến công tác giám sát, đánh giá đầu tư.

### **III. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP**

#### **1. Đối với công tác giám sát, đánh giá đầu tư**

##### **1.1. Về mặt thể chế**

a) Tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý cho công tác giám sát, đánh giá đầu tư cho phù hợp với tình hình thực tế và các yêu cầu đặt ra đối với công tác giám sát, đánh giá đầu tư trong thời gian tới. Sau khi Luật Đầu tư công được ban hành, cần xây dựng, ban hành Nghị định sửa đổi bổ sung/thay thế Nghị định số 113/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư và các thông tư hướng dẫn thực hiện theo hướng:

- Sửa đổi các quy định về theo dõi, kiểm tra, đánh giá dự án đầu tư theo hướng đơn giản hơn, phù hợp với quy mô vốn đầu tư của các dự án.

- Bổ sung quy định trong quá trình xây dựng và phê duyệt các chính sách, kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư cần phải coi kết quả công tác giám sát, đánh giá đầu tư là một yếu tố đầu vào quan trọng.

- Bổ sung các quy định về theo dõi, kiểm tra và đánh giá các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn ODA và các dự án đầu tư trực tiếp ra nước ngoài.

- Bổ sung các quy định về theo dõi, kiểm tra và đánh giá các chương trình đầu tư (Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hỗ trợ có mục tiêu) và các dự án ô.

- Bổ sung các quy định về cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư (hiện tại chưa có quy định cơ cấu tổ chức, bổ sung nhân sự làm công tác giám sát, đánh giá đầu tư tại các Bộ, ngành, địa phương, các chủ đầu tư/ban quản lý dự án, để bảo đảm hệ thống giám sát, đánh giá đầu tư thống nhất từ cấp Trung ương tới địa phương, chủ đầu tư/ban quản lý dự án).

- Xem xét lại chế độ báo cáo và chỉnh sửa lại các mẫu báo cáo theo hướng đơn giản hơn, phù hợp với thực tế, tương thích đối với các quy định mẫu biểu báo cáo trong các quy định khác; Xây dựng các mẫu biểu cho phù hợp với tính chất, quy mô các dự án nhóm A, B, C, các công trình duy tu sửa chữa nhỏ; Quy định cụ thể mẫu báo cáo cụ thể cho các hoạt động: theo dõi dự án đầu tư, kiểm tra dự án đầu tư và các loại đánh giá dự án đầu tư; Quy định mẫu báo cáo theo dõi dự án đầu tư phù hợp với quy mô dự án; Quy định các mẫu báo cáo phù hợp với việc tin học hóa trong công tác giám sát, đánh giá đầu tư.

- Sửa đổi quy định về định mức chi phí giám sát, đánh giá đầu tư theo hướng quy định cụ thể về định mức và các khoản mục chi cụ thể, đặc biệt là hướng dẫn cụ thể về việc lập dự toán cho công tác đánh giá dự án đầu tư.

- Sửa đổi quy định về điều kiện năng lực của tổ chức và cá nhân thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư theo hướng quy định cụ thể hơn về điều kiện, năng lực của tư vấn đánh giá đầu tư; chỉnh sửa lại khung chương trình nội dung đào tạo Nghiệp vụ giám sát, đánh giá đầu tư theo hướng tăng cường các nội dung về kỹ năng theo dõi, kiểm tra, đánh giá dự án đầu tư và quy định về nội dung đào tạo cho đối tượng là cán bộ quản lý dự án, cán bộ thuộc các cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư.

- Sửa đổi, bổ sung chế tài xử lý vi phạm phù hợp, đảm bảo tính khả thi.

- Bổ sung quy định làm rõ trách nhiệm của người quyết định đầu tư, người cấp Giấy chứng nhận đầu tư, đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao làm chủ đầu tư dự án trong việc chấp hành các quy định về quản lý dự án, giám sát, đánh giá đầu tư.

- Bổ sung quy định bắt buộc công khai thông tin về kết quả kiểm tra, giám sát.

b) Xây dựng, ban hành khung chiến lược cho công tác giám sát, đánh giá đầu tư làm căn cứ để thực hiện trong thời gian tới, phù hợp với các chủ trương chính sách trong quản lý, phân cấp đầu tư.

c) Nghiên cứu, hoàn thiện và ban hành sổ tay hướng dẫn công tác giám sát, đánh giá đầu tư để các tổ chức, cá nhân tham khảo và thực hiện.

### **1.2. Về mặt tổ chức thực hiện:**

- Các cấp lãnh đạo cần quan tâm hơn đến công tác giám sát, đánh giá đầu tư, xử lý phản hồi kết quả công tác giám sát, đánh giá đầu tư theo thẩm quyền. Thực hiện nghiêm túc việc xử lý các vi phạm trong công tác giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định tại Nghị định số 113/2009/NĐ-CP của Chính phủ về giám sát, đánh giá đầu tư.

- Các Bộ, Tập đoàn, Tổng công ty 91, Sở Kế hoạch và Đầu tư cần xây dựng kế hoạch giám sát, đánh giá đầu tư hàng năm các dự án thuộc phạm vi quản lý để làm căn cứ thực hiện.

- Kiện toàn bộ máy thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư từ Trung ương đến địa phương, các chủ đầu tư, ban quản lý dự án.

- Phân công chức năng nhiệm vụ cụ thể cho các tổ chức, cá nhân trong đơn vị trong công tác giám sát, đánh giá đầu tư.

- Xây dựng, ban hành chế độ khuyến khích và các chế tài phù hợp cho các cán bộ, công chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư.

- Tích cực triển khai và hoàn thiện việc thiết lập hệ thống tin học hóa trong lĩnh vực giám sát, đánh giá đầu tư.

## **2. Các giải pháp khắc phục tình trạng chậm tiến độ**

Để khắc phục tình trạng chậm tiến độ, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

- Đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, bảo đảm việc giao đất cho các dự án đúng tiến độ đề ra. Bố trí vốn kịp thời, đầy đủ theo kế hoạch và tiến độ thực hiện dự án đã được phê duyệt.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra toàn diện các chương trình, dự án đầu tư. Các cơ quan cần xây dựng kế hoạch thanh tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất, có các giải pháp xử lý phù hợp và kịp thời đối với các dự án chậm tiến độ, không đạt mục tiêu như dự kiến, không phù hợp với yêu cầu thực tiễn:

+ Đối với các dự án chậm hoặc không triển khai đúng tiến độ: Cần có báo cáo giám sát, đánh giá đầy đủ các nội dung của dự án, nguyên nhân chậm tiến độ, trách nhiệm các cơ quan liên quan, chủ đầu tư trong quá trình thực hiện dự án; Làm rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân để xảy ra chậm tiến độ dự án, kiên quyết xử lý sai phạm của các đơn vị, cá nhân liên quan, chấm dứt hợp đồng của các nhà thầu không đủ năng lực, đối với các dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư.

+ Đối với các công trình đã được phê duyệt nhưng chưa triển khai cần rà soát cụ thể, phân loại theo nhóm: Ưu tiên đầu tư, dẫn hoãn có thời hạn, dẫn hoãn không thời hạn, dừng không thực hiện hoặc chuyển đổi hình thức đầu tư. Những dự án thực hiện sẽ tiếp tục rà soát nội dung đầu tư, cắt giảm chi phí, hạng mục không thật cần thiết trên nguyên tắc vẫn bảo đảm mục tiêu chủ yếu và hiệu quả đầu tư của dự án. Việc khởi công xây dựng công trình phải có đầy đủ các điều kiện, trong đó phải bảo đảm điều kiện về nguồn vốn.

+ Đối với các chủ đầu tư: Không giao dự án cho các chủ đầu tư không đủ năng lực quản lý dự án, chuyển giao dự án cho các Ban QLDA chuyên trách làm chủ đầu tư; không giao dự án mới cho các chủ đầu tư có từ 03 dự án vi phạm về quản lý dự án đầu tư, giám sát, đánh giá đầu tư; kiến nghị cắt giảm hoặc điều chuyển vốn bố trí trong năm (từng phần hoặc toàn bộ) đối với các dự án chủ đầu tư chậm thanh toán khối lượng, hoàn ứng vốn tạm ứng. Không bố trí vốn hoặc bố trí vốn hạn chế cho năm kế hoạch tiếp theo đối với các dự án có khối lượng tạm ứng lớn nhưng chậm hoàn ứng, thời gian thu hồi vốn tạm ứng kéo dài nhiều năm.

- Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư (lựa chọn đơn vị tư vấn khảo sát, thiết kế, lập dự án, thẩm tra có đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện).

- Chấn chỉnh công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư; xem xét, điều chỉnh việc phân cấp đầu tư cho phù hợp với quy mô đầu tư các dự án và năng lực thực hiện của các cơ quan liên quan. Chú trọng nâng cao chất lượng thẩm định



dự án, đặc biệt cần nâng cao chất lượng thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật do các cấp sở, ngành, quận, huyện, phường, xã thực hiện theo phân cấp. Cần yêu cầu xem xét đầy đủ các yếu tố đảm bảo tính khả thi và tính hiệu quả của dự án như: sự phù hợp với quy hoạch, nhu cầu sử dụng đất, khả năng giải phóng mặt bằng, sự cần thiết đầu tư, các yếu tố cần đáp ứng, sự phù hợp của việc kết nối với hạ tầng kỹ thuật của khu vực, quy mô xây dựng của dự án, khả năng mở rộng phát triển trong tương lai, tiến độ thực hiện, phân tích tài chính, tổng mức đầu tư, đặc biệt là khả năng huy động vốn đáp ứng tiến độ thực hiện, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, kinh nghiệm quản lý của chủ đầu tư.

- Quản lý tốt tiến độ thực hiện đối với các dự án được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, đặc biệt tiến độ huy động vốn đối với các dự án lớn, sử dụng nhiều đất đai, tài nguyên và người lao động.

- Xây dựng và đưa vào vận hành phần mềm quản lý thông tin dữ liệu về các dự án đầu tư để theo dõi, quản lý, giám sát dự án đầu tư ở các cấp ngân sách.

- Hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật theo hướng đồng bộ, thống nhất, tránh chồng chéo; các quy định cần rõ ràng, minh bạch, bảo đảm tính khả thi. Cụ thể:

+ **Về công tác quy hoạch:** Cần sớm hoàn thiện và ban hành Luật Quy hoạch và các văn bản hướng dẫn thi hành; bảo đảm công tác quy hoạch phải đi trước một bước và phải là tiền đề thúc đẩy hoạt động đầu tư phát triển. Nội dung các quy hoạch phải có tầm nhìn chiến lược dài hạn, bám sát vào các chủ trương, chiến lược của Đảng và Nhà nước; phù hợp với thực tiễn phát triển của đất nước; các quy hoạch phải đồng bộ, tránh tình trạng quy hoạch treo, quy hoạch thiếu thực tế, không đồng bộ dẫn đến lãng phí nguồn lực tài nguyên, đất đai ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động đầu tư phát triển.

+ **Về công tác kế hoạch, chủ trương đầu tư:** Đây là vấn đề quan trọng trong bước chuẩn bị đầu tư; các nội dung cần quan tâm đã được đưa vào dự thảo Luật Đầu tư công với mục đích xem xét, bảo đảm việc đầu tư đúng mục tiêu, yêu cầu; phù hợp với nguồn lực đầu tư, tránh tình trạng đầu tư dàn trải, không phù hợp với thực tiễn. Bảo đảm các dự án khi đã có chủ trương, kế hoạch đầu tư phải được cấp vốn đầy đủ phù hợp với tiến độ thực hiện, tránh tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản.

+ **Về công tác lập, thẩm định, quyết định đầu tư:** Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư cần được quy định triển khai có hiệu quả nhằm mục đích lựa chọn được những dự án đầu tư, phương án đầu tư hiệu quả nhất trên cơ sở nguồn lực đầu tư còn hạn chế, sử dụng tiết kiệm các nguồn tài nguyên thiên nhiên, con người,... đây là công việc đã được làm thường xuyên trong thời gian qua, tuy nhiên qua thực tiễn giám sát, đánh giá đầu tư, tại một số Cơ quan, việc thẩm

định đầu tư còn hình thức, nhiều quyết định đầu tư chưa được xem xét kỹ lưỡng, dẫn đến vẫn còn một số dự án đầu tư hiệu quả thấp, do vậy dự thảo Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng sửa đổi cần quan tâm tới chế tài trong vấn đề này.

+ **Về năng lực chủ đầu tư và các nhà thầu:** Năng lực của chủ đầu tư ảnh hưởng nhiều đến quá trình thực hiện dự án, do vậy trong dự thảo Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng sửa đổi cần quy định việc xác định chủ đầu tư, điều kiện năng lực của chủ đầu tư phù hợp với cấp công trình, nhóm công trình.

Luật Đấu thầu đã được Quốc hội khóa XIII thông qua, các Nghị định hướng dẫn của Chính phủ cần quan tâm để bảo đảm lựa chọn được các nhà thầu có năng lực thực hiện dự án; xử lý nghiêm tình trạng thông thầu, các nhà thầu không thực hiện đúng hợp đồng, ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng dự án.

+ **Công tác đền bù, giải phóng mặt bằng:** Thực tế trong thời gian qua, công tác giải phóng mặt bằng tại một số địa phương, dự án là một rào cản rất lớn trong quá trình triển khai thực hiện dự án. Luật Đất đai sửa đổi đã được Quốc hội khóa XIII thông qua, trong thời gian tới, đề nghị các Nghị định hướng dẫn thi hành cần căn cứ vào thực tiễn thực hiện trong thời gian qua, bảo đảm công tác đền bù, giải phóng mặt bằng được nhanh, gọn, phù hợp với lợi ích của nhân dân, các nhà đầu tư và lợi ích chung của toàn xã hội.

+ **Về công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, đưa công trình vào khai thác sử dụng:** Việc nghiệm thu, thanh quyết toán cần được thực hiện chặt chẽ, tránh tiêu cực, kiên quyết không đưa các công trình kém chất lượng, không an toàn vào khai thác sử dụng, có chế tài xử phạt và đền bù thích đáng đối với các cá nhân, tổ chức làm ảnh hưởng đến chất lượng công trình. Hiện tại, Bộ Xây dựng đang dự thảo Luật Xây dựng sửa đổi, Bộ Tài chính dự thảo Luật Ngân sách nhà nước sửa đổi cần tiếp thu và quy định cụ thể về vấn đề này.

#### **IV. KIẾN NGHỊ**

##### **a) Đối với Bộ Kế hoạch và Đầu tư:**

- Hoàn thiện dự thảo Luật Đầu tư công và các Nghị định hướng dẫn thi hành nhằm tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ và hoàn chỉnh để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý hoạt động đầu tư công; khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, phân tán, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư theo đúng mục tiêu, định hướng của chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của đất nước; chống thất thoát, lãng phí; bảo đảm tính công khai, minh bạch trong quản lý đầu tư công.

- Sau khi Luật Đầu tư công được Quốc hội thông qua, dự thảo trình Chính phủ Nghị định thay thế Nghị định số 113/2009/NĐ-CP cho phù hợp với Luật Đầu tư công và các định hướng sửa đổi đã phân tích ở các phần nêu trên.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, đánh giá các chương trình, dự án đầu tư, đề xuất, kiến nghị các giải pháp xử lý kịp thời đối với các chương trình, dự án nhằm đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm hiệu quả đầu tư.

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Dự án Hệ thống thông tin phục vụ theo dõi, đánh giá dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước.

***b) Đối với các Bộ, ngành, địa phương, Tập đoàn kinh tế nhà nước và Tổng công ty 91 của nhà nước:***

- Các Cơ quan theo chức năng, nhiệm vụ đề xuất hoặc ban hành các quy định nhằm hoàn thiện các quy định trong hoạt động đầu tư, bảo đảm tính thống nhất, tăng cường kỷ cương quản lý, bảo đảm hiệu quả đầu tư.

- Thực hiện nghiêm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011, Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 về tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng cơ bản từ nguồn ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ.

- Chân chính công tác lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch đầu tư, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền; giải quyết kịp thời các vướng mắc trong quá trình thực hiện đầu tư, quản lý, kiểm soát tốt kế hoạch đầu tư, chi phí đầu tư phù hợp quy định hiện hành, xử lý các vấn đề liên quan đến nợ đọng xây dựng cơ bản, tập trung đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm hiệu quả đầu tư theo các nhóm giải pháp nêu tại Phần III và các hướng dẫn tại văn bản số 7356/BKHĐT-TH ngày 28/10/2011 và văn bản số 4669/BKHĐT-TH ngày 05/7/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ danh mục các dự án đang thực hiện chậm tiến độ; trong đó nêu rõ nguyên nhân, trách nhiệm các tổ chức, cá nhân liên quan, đề xuất giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án.

- Chân chính và nâng cao hiệu quả công tác giám sát, đánh giá đầu tư của các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

- Thực hiện nghiêm việc xử lý hành vi vi phạm các quy định về giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định tại Nghị định số 113/2009/NĐ-CP ngày 15/12/2009 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư, đặc biệt là xử lý các chủ đầu tư không thực hiện Báo cáo giám sát, đánh giá dự án đầu tư theo quy định tại Nghị định số 113/2009/NĐ-CP ngày 15/12/2009 và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả xử lý trong kỳ báo cáo tiếp theo;

- Kiện toàn bộ máy và quy trình thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư trong phạm vi quản lý của mình; tổ chức đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực về công tác giám sát, đánh giá đầu tư cho các chủ đầu tư, ban quản lý dự án và các đối tượng liên quan;

- Định kỳ hàng năm, tổng hợp kết quả kiểm tra, thanh tra, giám sát các hoạt động đầu tư; kết quả xử lý các hành vi vi phạm quy định về đầu tư, về giám sát đầu tư thuộc chức năng nhiệm vụ, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi và tổng hợp.

- Chỉ đạo các chủ đầu tư tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư, đặc biệt có đánh giá dự án đầu tư theo quy định./

-----

**CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2014/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2014

**DỰ THẢO**

**NGHỊ ĐỊNH**  
**Về giám sát và đánh giá đầu tư**

**CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;*

*Căn cứ Luật Đầu tư;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,*

*Chính phủ ban hành Nghị định về giám sát và đánh giá đầu tư.*

**NGHỊ ĐỊNH:**

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị định này quy định về nội dung giám sát, đánh giá và việc tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư tại Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng của Nghị định này bao gồm: cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư và hoạt động giám sát, đánh giá đầu tư.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “*Giám sát đầu tư*” là hoạt động theo dõi, kiểm tra đầu tư. Giám sát đầu tư gồm giám sát chương trình, dự án đầu tư và giám sát tổng thể đầu tư.

2. “*Giám sát chương trình, dự án đầu tư*” là hoạt động theo dõi thường xuyên, kiểm tra định kỳ theo kế hoạch hoặc đột xuất quá trình đầu tư của chương trình, dự án theo các quy định về quản lý đầu tư nhằm đảm bảo mục tiêu và hiệu quả của chương trình, dự án.

3. “*Theo dõi chương trình, dự án đầu tư*” là hoạt động thường xuyên và định kỳ cập nhật các thông tin liên quan đến tình hình thực hiện chương trình, dự án; tổng hợp, phân tích, đánh giá thông tin, đề xuất các phương án phục vụ việc ra quyết định của các cấp quản lý nhằm đảm bảo chương trình, dự án đầu tư thực hiện đúng mục tiêu, đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng và trong khuôn khổ các nguồn lực đã được xác định.

4. “*Kiểm tra chương trình, dự án đầu tư*” là hoạt động định kỳ theo kế hoạch hoặc đột xuất, nhằm kiểm tra việc chấp hành quy định về quản lý chương trình, dự án của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan; phát hiện kịp thời những sai sót, yếu kém về quản lý chương trình, dự án theo quy định của pháp luật; kiến nghị các cấp có thẩm quyền xử lý những vướng mắc, phát sinh, việc làm sai quy định về quản lý chương trình, dự án; giám sát việc xử lý và chấp hành các biện pháp xử lý các vấn đề đã phát hiện.

5. “*Đánh giá chương trình, dự án đầu tư*” là hoạt động định kỳ theo kế hoạch hoặc đột xuất nhằm xác định mức độ đạt được theo mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể so với quyết định đầu tư hoặc tiêu chuẩn đánh giá quy định của nhà nước tại một thời điểm nhất định. Đánh giá chương trình, dự án đầu tư bao gồm: đánh giá ban đầu, đánh giá giữa kỳ, đánh giá kết thúc, đánh giá tác động và đánh giá đột xuất.

6. “*Đánh giá ban đầu*” là đánh giá được thực hiện ngay sau khi bắt đầu thực hiện chương trình, dự án nhằm xem xét tình hình thực tế của chương trình, dự án so với thời điểm phê duyệt để có biện pháp xử lý phù hợp.

7. “*Đánh giá giữa kỳ*” là đánh giá được thực hiện vào thời điểm giữa kỳ theo tiến độ thực hiện chương trình, dự án được phê duyệt hoặc sau khi kết thúc từng giai đoạn (đối với chương trình, dự án được thực hiện theo nhiều giai đoạn), nhằm xem xét quá trình thực hiện chương trình, dự án từ khi bắt đầu triển khai, đề xuất các điều chỉnh cần thiết.

8. “*Đánh giá kết thúc*” là đánh giá được tiến hành ngay sau khi kết thúc thực hiện chương trình, dự án nhằm xem xét các kết quả đạt được, rút ra các bài học kinh nghiệm.

9. “*Đánh giá tác động*” là đánh giá được thực hiện vào thời điểm thích hợp sau năm thứ 3 kể từ khi đưa chương trình, dự án vào vận hành, nhằm làm rõ hiệu quả, tính bền vững và tác động kinh tế - xã hội so với mục tiêu đặt ra ban đầu.

10. “*Đánh giá đột xuất*” là đánh giá được thực hiện trong những trường hợp có những vướng mắc, khó khăn, tác động phát sinh ngoài dự kiến trong quá trình thực hiện chương trình, dự án.

11. “*Giám sát đầu tư của cộng đồng*” là hoạt động tự nguyện của dân cư sinh sống trên địa bàn xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là địa bàn xã) nhằm theo dõi, kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư của cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình đầu tư; phát hiện, kiến nghị với các cơ

quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các vi phạm về đầu tư (trừ các chương trình, dự án bí mật quốc gia theo quy định của pháp luật).

12. "*Giám sát tổng thể đầu tư*" là việc theo dõi thường xuyên, kiểm tra định kỳ theo kế hoạch quá trình thực hiện đầu tư ở các cấp của các ngành và địa phương; phát hiện và chấn chỉnh kịp thời những sai phạm, thiếu sót để đảm bảo đầu tư theo quy hoạch, kế hoạch, mục tiêu và đảm bảo hiệu quả.

13. "*Theo dõi tổng thể đầu tư*" là hoạt động thường xuyên và định kỳ cập nhật các thông tin liên quan đến hoạt động đầu tư và việc quản lý đầu tư của các cấp, các ngành và địa phương; tổng hợp, phân tích, đánh giá thông tin và đề xuất các cơ chế, chính sách liên quan đến quản lý đầu tư.

14. "*Kiểm tra tổng thể đầu tư*" là hoạt động định kỳ theo kế hoạch hoặc đột xuất, nhằm kiểm tra việc chấp hành quy định về quản lý đầu tư của các cấp, các ngành; phát hiện và chấn chỉnh kịp thời những sai sót, yếu kém, bảo đảm việc quản lý đầu tư đúng quy định của pháp luật; phát hiện và kiến nghị các cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời những vướng mắc, phát sinh hoặc việc làm sai quy định về quản lý đầu tư; giám sát việc xử lý và chấp hành các biện pháp xử lý các vấn đề đã phát hiện.

15. "*Đánh giá tổng thể đầu tư*" là hoạt động định kỳ theo kế hoạch nhằm phân tích, đánh giá kết quả đầu tư của nền kinh tế, ngành, địa phương; xác định mức độ đạt được so với quy hoạch, kế hoạch trong từng thời kỳ hay từng giai đoạn; phân tích nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả đầu tư cũng như đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư trong kỳ hay giai đoạn kế hoạch sau.

### **Điều 3. Phân loại hoạt động giám sát và đánh giá đầu tư**

1. Theo loại chương trình, dự án:

- a) Giám sát và đánh giá chương trình, dự án đầu tư công;
- b) Giám sát và đánh giá dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư;
- c) Giám sát và đánh giá dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước;
- d) Giám sát và đánh giá chương trình, dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác;
- đ) Các dự án đầu tư bằng nguồn vốn và công sức của cộng đồng hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho xã.

2. Theo chủ thể thực hiện:

- a) Giám sát và đánh giá đầu tư của cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư chương trình, dự án;
- b) Giám sát và đánh giá đầu tư của Chủ chương trình, Chủ đầu tư;
- c) Giám sát và đánh giá đầu tư của người có thẩm quyền quyết định đầu tư;
- d) Giám sát và đánh giá đầu tư của chủ sử dụng dự án;

d) Giám sát và đánh giá của cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp;

e) Giám sát và đánh giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết Hợp đồng dự án theo hình thức đối tác công tư;

g) Giám sát và đánh giá của cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư;

h) Giám sát và đánh giá đầu tư của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành;

i) Giám sát và đánh giá đầu tư của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư;

k) Giám sát đầu tư của cộng đồng.

#### **Điều 4. Nguyên tắc đối với giám sát, đánh giá đầu tư**

1. Đúng đối tượng, phạm vi và nội dung giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định.

2. Không gây cản trở công việc của các đối tượng chịu sự giám sát đầu tư.

### **Chương II**

#### **GIÁM SÁT CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

##### **Mục 1**

#### **GIÁM SÁT CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ CÔNG**

**Điều 5. Nội dung giám sát của cơ quan được giao chuẩn bị Chương trình đầu tư công**

1. Cơ quan được giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình thực hiện theo dõi, kiểm tra và báo cáo các nội dung sau:

a) Việc lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình;

b) Tình hình thực hiện thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình;

c) Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình và việc xử lý theo thẩm quyền;

d) Đề xuất phương án xử lý các khó khăn, vướng mắc, các vấn đề vượt quá thẩm quyền.

2. Cơ quan được giao lập Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình thực hiện theo dõi, kiểm tra và báo cáo các nội dung sau:

a) Việc lập Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình;

b) Tình hình thẩm định và phê duyệt chương trình;

c) Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình lập Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình và việc xử lý theo thẩm quyền;



d) Đề xuất các phương án xử lý các khó khăn, vướng mắc, các vấn đề vượt quá thẩm quyền.

### **Điều 6. Nội dung giám sát của Chủ dự án thành phần thuộc chương trình**

#### 1. Nội dung theo dõi:

a) Cập nhật và phân tích tình hình thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt dự án thành phần được giao quản lý;

b) Cập nhật và phân tích tình hình thực hiện dự án thành phần: lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư; thực hiện dự án đầu tư; thực hiện kế hoạch vốn đầu tư, giải ngân; khó khăn, vướng mắc, phát sinh và kết quả xử lý;

c) Báo cáo và đề xuất các phương án xử lý các khó khăn, vướng mắc, các vấn đề vượt quá thẩm quyền.

#### 2. Nội dung kiểm tra:

a) Kiểm tra toàn bộ các nội dung liên quan đến tổ chức thực hiện và quản lý dự án thành phần;

b) Việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư và năng lực quản lý dự án thuộc dự án thành phần của chủ đầu tư;

c) Phát hiện và kiến nghị các cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc và sai phạm trong quá trình thực hiện dự án; giám sát việc xử lý và chấp hành các biện pháp xử lý các vấn đề đã phát hiện của Chủ đầu tư.

### **Điều 7. Nội dung giám sát của Chủ chương trình**

#### 1. Nội dung theo dõi:

a) Cập nhật và phân tích tình hình quản lý thực hiện chương trình: lập kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết triển khai chương trình; thực hiện và điều chỉnh kế hoạch triển khai chương trình;

b) Cập nhật và phân tích tình hình lập, thẩm định, quyết định đầu tư các dự án thành phần thuộc chương trình;

c) Cập nhật và phân tích tình hình thực hiện chương trình: tiến độ thực hiện các mục tiêu của chương trình; tổng hợp tình hình thực hiện các dự án thành phần thuộc chương trình; giá trị khối lượng thực hiện;

d) Cập nhật và phân tích tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư: việc huy động vốn cho chương trình; giải ngân; nợ đọng vốn xây dựng cơ bản (nếu có);

đ) Cập nhật và phân tích tình hình xử lý, phản hồi thông tin: việc bảo đảm thông tin báo cáo; xử lý thông tin báo cáo; các vướng mắc, phát sinh và kết quả xử lý;

e) Báo cáo và đề xuất các phương án xử lý các khó khăn, vướng mắc, các vấn đề vượt quá thẩm quyền.

## 2. Nội dung kiểm tra:

a) Kiểm tra toàn bộ các nội dung liên quan đến tổ chức thực hiện và quản lý chương trình;

b) Việc chấp hành các quy định liên quan đến quản lý đầu tư của chủ dự án thành phần thuộc chương trình;

c) Năng lực quản lý thực hiện chương trình của chủ dự án thành phần thuộc chương trình;

d) Phát hiện và kiến nghị các cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc và sai phạm trong quá trình thực hiện chương trình, dự án thành phần thuộc chương trình; giám sát việc xử lý và chấp hành các biện pháp xử lý các vấn đề đã phát hiện của chủ dự án thành phần.

## **Điều 8. Nội dung giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư**

### 1. Nội dung theo dõi

a) Theo dõi tình hình thực hiện chế độ báo cáo của Chủ chương trình, chủ dự án thành phần thuộc chương trình theo quy định;

b) Tổng hợp tình hình thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình;

c) Tổng hợp tình hình thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt dự án thành phần thuộc chương trình;

d) Tổng hợp tình hình thực hiện chương trình: tiến độ thực hiện các mục tiêu của chương trình; tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư, giải ngân; khó khăn, vướng mắc, phát sinh chính ảnh hưởng đến việc thực hiện chương trình và kết quả xử lý;

đ) Phản hồi và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh theo thẩm quyền;

g) Theo dõi việc xử lý và chấp hành các biện pháp xử lý của chủ chương trình, chủ dự án thành phần thuộc chương trình;

h) Báo cáo và đề xuất các phương án xử lý các khó khăn, vướng mắc, các vấn đề vượt quá thẩm quyền.

### 2. Nội dung kiểm tra:

a) Việc chấp hành quy định trong việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án thành phần;

b) Việc quản lý thực hiện chương trình của Chủ chương trình và chủ dự án thành phần thuộc chương trình;

c) Phát hiện và kiến nghị các cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc và sai phạm trong quá trình thực hiện chương trình; giám sát việc xử lý và chấp hành các biện pháp xử lý các vấn đề đã phát hiện của các cơ quan, đơn vị liên quan.

## **Mục 2**

### **GIÁM SÁT DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG**

#### **Điều 9. Nội dung giám sát của cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư dự án đầu tư công**

1. Cơ quan được giao lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án thực hiện theo dõi, kiểm tra và báo cáo các nội dung sau:

a) Việc lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án;

b) Tình hình thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án;

c) Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án và việc xử lý theo thẩm quyền;

d) Đề xuất các phương án xử lý các khó khăn, vướng mắc, các vấn đề vượt quá thẩm quyền.

2. Cơ quan được giao lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án thực hiện theo dõi, kiểm tra và báo cáo các nội dung sau:

a) Việc lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án;

b) Tình hình thẩm định và quyết định đầu tư dự án;

c) Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình lập Báo cáo nghiên cứu khả thi và việc xử lý theo thẩm quyền;

d) Đề xuất các phương án xử lý các khó khăn, vướng mắc, các vấn đề vượt quá thẩm quyền.

#### **Điều 10. Nội dung giám sát của chủ đầu tư, chủ sử dụng**

1. Chủ đầu tư thực hiện theo dõi, tự kiểm tra toàn bộ quá trình thực hiện dự án và báo cáo các nội dung sau:

a) Việc thực hiện quản lý thực hiện dự án: lập kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết quản lý thực hiện dự án; thực hiện và điều chỉnh kế hoạch; năng lực quản lý dự án;

b) Tình hình thực hiện dự án đầu tư: tiến độ thực hiện; khối lượng và giá trị khối lượng thực hiện; chất lượng công việc; các biến động trong quá trình thực hiện dự án;

c) Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư: việc huy động vốn cho dự án; giải ngân; nợ đọng vốn xây dựng cơ bản (nếu có);

d) Năng lực tổ chức thực hiện dự án và việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư của Ban quản lý dự án và các nhà thầu;

đ) Tình hình xử lý, phản hồi thông tin: việc bảo đảm thông tin báo cáo; xử lý thông tin báo cáo;

e) Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện dự án và việc xử lý theo thẩm quyền;

g) Đề xuất các phương án xử lý các khó khăn, vướng mắc, các vấn đề vượt quá thẩm quyền.

2. Chủ sử dụng theo dõi, tự kiểm tra toàn bộ quá trình khai thác, vận hành dự án và báo cáo các nội dung sau:

a) Việc quản lý, khai thác, vận hành dự án;

b) Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình khai thác, vận hành dự án và việc xử lý theo thẩm quyền;

c) Đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, các vấn đề vượt quá thẩm quyền.

**Điều 11. Nội dung giám sát của người có thẩm quyền quyết định đầu tư**

1. Nội dung theo dõi

a) Theo dõi tình hình thực hiện chế độ báo cáo của cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư dự án, Chủ đầu tư; kiểm tra tính đầy đủ, cập nhật và tính chính xác của các thông tin theo dõi dự án đầu tư do cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư, Chủ đầu tư cung cấp;

b) Tổng hợp tình hình thực hiện lập, thẩm định dự án đầu tư;

c) Tổng hợp tình hình thực hiện dự án đầu tư: tiến độ thực hiện, tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư, giải ngân; khó khăn, vướng mắc, phát sinh chính ảnh hưởng đến việc thực hiện dự án và kết quả xử lý;

d) Tổng hợp tình hình tổ chức khai thác, vận hành dự án; khó khăn, vướng mắc, phát sinh chính ảnh hưởng đến quá trình khai thác, vận hành dự án và kết quả xử lý;

đ) Phản hồi và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh theo thẩm quyền;

e) Theo dõi việc xử lý và chấp hành các biện pháp xử lý của Chủ đầu tư, Chủ sử dụng dự án;

g) Báo cáo và đề xuất các phương án xử lý các khó khăn, vướng mắc, các vấn đề vượt quá thẩm quyền theo quy định.

2. Nội dung kiểm tra

a) Việc chấp hành quy định về: giám sát và đánh giá đầu tư; lập, thẩm định quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án; đấu thầu; đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư; sử dụng vốn đầu tư và các nguồn lực khác của dự án; bố trí vốn đầu tư, giải ngân, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư; giải quyết các vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện dự án; nghiệm thu đưa dự án vào hoạt động; quản lý, vận hành dự án; bảo vệ môi trường;

b) Việc quản lý thực hiện dự án của cơ quan trực tiếp quản lý các Chủ đầu tư, Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án;

c) Tiến độ thực hiện dự án;

d) Việc quản lý, khai thác, vận hành dự án của Chủ sử dụng dự án;

đ) Phát hiện và kiến nghị các cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc và sai phạm trong quá trình thực hiện dự án; giám sát việc xử lý và chấp hành các biện pháp xử lý các vấn đề đã phát hiện của cơ quan được giao chuẩn bị chủ trương đầu tư, cơ quan được giao chuẩn bị dự án, Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, Chủ sử dụng dự án.

## **Điều 12. Nội dung giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư**

### 1. Nội dung theo dõi

a) Theo dõi tình hình thực hiện chế độ báo cáo của cơ quan được giao chuẩn bị chủ trương đầu tư, cơ quan được giao chuẩn bị dự án, Chủ đầu tư, người có thẩm quyền quyết định đầu tư và Chủ sử dụng dự án theo quy định;

b) Tổng hợp tình hình thực hiện lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án;

c) Tổng hợp tình hình thực hiện lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án;

d) Tổng hợp tình hình thực hiện dự án: tiến độ thực hiện, tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư, giải ngân; khó khăn, vướng mắc, phát sinh chính ảnh hưởng đến việc thực hiện dự án và kết quả xử lý;

đ) Tổng hợp tình hình tổ chức khai thác, vận hành dự án; khó khăn, vướng mắc, phát sinh chính ảnh hưởng đến quá trình khai thác, vận hành dự án và kết quả xử lý;

e) Phản hồi và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh theo thẩm quyền;

g) Theo dõi việc xử lý và chấp hành các biện pháp xử lý của cơ quan được giao chuẩn bị chủ trương đầu tư, cơ quan được giao chuẩn bị dự án, Chủ đầu tư, người quyết định đầu tư và Chủ sử dụng dự án;

h) Báo cáo và đề xuất các phương án xử lý các khó khăn, vướng mắc, các vấn đề vượt quá thẩm quyền.

### 2. Nội dung kiểm tra

a) Việc chấp hành quy định về: giám sát và đánh giá đầu tư; lập, thẩm định quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án; đấu thầu; đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư; sử dụng vốn đầu tư và các nguồn lực khác của dự án; bố trí vốn đầu tư, giải ngân, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư; giải quyết các vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện dự án; nghiệm thu đưa dự án vào hoạt động; quản lý, vận hành dự án; bảo vệ môi trường;

b) Việc quản lý thực hiện dự án của cơ quan trực tiếp quản lý các Chủ đầu tư, Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án;

c) Tiến độ thực hiện dự án;

d) Việc quản lý, khai thác, vận hành dự án của Chủ sử dụng dự án;

đ) Phát hiện và kiến nghị các cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc và sai phạm trong quá trình thực hiện dự án; giám sát việc xử lý và chấp hành các biện pháp xử lý các vấn đề đã phát hiện của cơ quan được giao chuẩn bị chủ trương đầu tư, cơ quan được giao chuẩn bị dự án, người có thẩm quyền quyết định đầu tư, Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, Chủ sử dụng dự án.

### Mục 3

## GIÁM SÁT DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ

### **Điều 13. Nội dung giám sát của cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư dự án**

1. Cơ quan được giao lập Báo cáo đề xuất dự án thực hiện theo dõi, tự kiểm tra và báo cáo các nội dung sau:

a) Việc lập Báo cáo đề xuất dự án;

b) Tình hình thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án;

c) Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình lập Báo cáo đề xuất dự án và việc xử lý theo thẩm quyền;

c) Đề xuất các phương án xử lý các khó khăn, vướng mắc, các vấn đề vượt quá thẩm quyền.

2. Cơ quan được giao lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án thực hiện theo dõi, tự kiểm tra và báo cáo các nội dung sau:

a) Việc lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án;

b) Tình hình thẩm định và phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án;

c) Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án và việc xử lý theo thẩm quyền;

d) Đề xuất các phương án xử lý các khó khăn, vướng mắc, các vấn đề vượt quá thẩm quyền.

**Điều 14. Nội dung giám sát của Nhà đầu tư và cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án**

1. Nhà đầu tư thực hiện theo dõi, tự kiểm tra và báo cáo các nội dung sau:

- a) Tình hình thực hiện Hợp đồng dự án;
- b) Các nội dung khác theo quy định tại Điều 10 Nghị định này

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án thực hiện theo dõi, kiểm tra và báo cáo các nội dung sau:

- a) Việc lựa chọn nhà đầu tư; đàm phán, ký kết Hợp đồng dự án;
- b) Tình hình thực hiện Hợp đồng dự án.
- c) Các nội dung khác theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.

**Điều 15. Nội dung giám sát của người có thẩm quyền quyết định đầu tư**

1. Theo dõi, kiểm tra việc lựa chọn nhà đầu tư và ký kết Hợp đồng dự án;

2. Thực hiện các nội dung khác theo quy định tại Điều 11 Nghị định này.

**Điều 16. Nội dung giám sát của các cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư**

1. Theo dõi, kiểm tra việc lập, thẩm định, phê duyệt và công bố danh mục dự án;

2. Theo dõi, kiểm tra việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án;

3. Theo dõi, kiểm tra việc lựa chọn nhà đầu tư, đàm phán, ký kết hợp đồng và thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

4. Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Hợp đồng dự án của Nhà đầu tư và cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết Hợp đồng dự án;

5. Thực hiện các nội dung khác theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.

**Mục 4**

**GIÁM SÁT DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC VÀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC**

**Điều 17. Nội dung giám sát đầu tư của chủ đầu tư**

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm theo dõi thường xuyên và tự kiểm tra quá trình chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và khai thác, vận hành dự án thuộc quyền quản lý của mình;

2. Nội dung giám sát của chủ đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 Nghị định này.

### **Điều 18. Nội dung giám sát của người quyết định đầu tư**

1. Người quyết định đầu tư thực hiện theo dõi dự án đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Nghị định này;
2. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư tổ chức kiểm tra dự án ít nhất 01 lần đối với các dự án có thời gian thực hiện trên 12 tháng; khi điều chỉnh dự án làm thay đổi địa điểm, mục tiêu, quy mô, vượt tổng mức đầu tư từ 10% trở lên và những trường hợp cần thiết khác;
3. Nội dung kiểm tra dự án đầu tư của người quyết định đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Nghị định này.

### **Điều 19. Nội dung giám sát đầu tư của Cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp, Cơ quan có thẩm quyền quyết định việc sử dụng vốn nhà nước để đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư**

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp, cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng vốn nhà nước để đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư thực hiện theo dõi dự án đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 của Nghị định này.
2. Cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp, cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng vốn nhà nước để đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư quyết định tổ chức kiểm tra dự án theo kế hoạch hoặc đột xuất.
3. Nội dung kiểm tra dự án đầu tư thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Nghị định này.

## **Mục 5**

### **GIÁM SÁT DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN KHÁC**

#### **Điều 20. Nội dung giám sát của Nhà đầu tư**

Nhà đầu tư thực hiện theo dõi, tự kiểm tra và báo cáo các nội dung sau:

1. Việc thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có);
2. Tiến độ thực hiện dự án và tiến độ thực hiện các mục tiêu của dự án;
3. Tình hình khai thác, vận hành dự án;
3. Việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường, sử dụng đất đai, sử dụng tài nguyên khoáng sản theo quy định;
4. Việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có);
5. Việc đáp ứng các điều kiện đầu tư kinh doanh đối với các dự án thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;



6. Tình hình thực hiện ưu đãi đầu tư (nếu có).

**Điều 21. Nội dung giám sát của người có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đầu tư**

1. Nội dung theo dõi:

- a) Tình hình thực hiện chế độ báo cáo của Nhà đầu tư;
- b) Tổng hợp tình hình thực hiện dự án đầu tư; khai thác, vận hành dự án;
- c) Tổng hợp tình hình thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường, sử dụng đất đai, sử dụng tài nguyên khoáng sản của các dự án đầu tư;
- d) Phản hồi và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh theo thẩm quyền;
- đ) Theo dõi việc xử lý và chấp hành các biện pháp xử lý của Nhà đầu tư;
- e) Báo cáo và đề xuất các phương án xử lý các khó khăn, vướng mắc, các vấn đề vượt quá thẩm quyền.

2. Nội dung kiểm tra:

- a) Tiến độ thực hiện dự án;
- b) Việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường, sử dụng đất đai, sử dụng tài nguyên khoáng sản;
- c) Việc thực hiện các nội dung quy định tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có);
- d) Việc đáp ứng điều kiện đầu tư, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư (nếu có);
- e) Phát hiện và kiến nghị các cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc và sai phạm trong quá trình thực hiện dự án; giám sát việc xử lý và chấp hành các biện pháp xử lý các vấn đề đã phát hiện.

**Điều 22. Nội dung giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư**

1. Nội dung theo dõi:

- a) Tình hình thực hiện chế độ báo cáo của Nhà đầu tư và cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;
- b) Tổng hợp tình hình thực hiện dự án đầu tư;
- c) Tổng hợp tình hình thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường, sử dụng đất đai, sử dụng tài nguyên khoáng sản của các dự án đầu tư;
- d) Phản hồi và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh theo thẩm quyền;
- đ) Theo dõi việc xử lý và chấp hành các biện pháp xử lý của Nhà đầu tư và người có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;
- e) Báo cáo và đề xuất các phương án xử lý các khó khăn, vướng mắc, các vấn đề vượt quá thẩm quyền.

2. Nội dung kiểm tra:

- a) Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội, quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch sử dụng đất;
- b) Tiến độ thực hiện dự án;
- c) Việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường, sử dụng đất đai, sử dụng tài nguyên khoáng sản;
- d) Việc chấp hành các chính sách, chế độ quy định của Nhà nước, của ngành và địa phương áp dụng cho dự án;
- đ) Việc thực hiện các nội dung quy định tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có);
- e) Việc đáp ứng điều kiện đầu tư, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư (nếu có);
- g) Phát hiện và kiến nghị các cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc và sai phạm trong quá trình thực hiện dự án; giám sát việc xử lý và chấp hành các biện pháp xử lý các vấn đề đã phát hiện.

### **Chương III**

#### **ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

#### **Điều 23. Đánh giá chương trình, dự án đầu tư công**

##### **1. Trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá**

a) Chủ chương trình và chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá ban đầu, giữa kỳ và kết thúc chương trình, dự án theo quy định tại Điều 80 Luật Đầu tư công;

b) Người quyết định đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá đột xuất, đánh giá tác động chương trình, dự án do mình quyết định đầu tư.

Người có thẩm quyền quyết định đầu tư có thể giao cho cơ quan sử dụng dự án hoặc cơ quan chuyên môn trực thuộc tổ chức thực hiện đánh giá tác động dự án do mình quyết định đầu tư;

c) Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư và cơ quan chủ quản tổ chức thực hiện các loại đánh giá theo kế hoạch và đánh giá đột xuất chương trình, dự án thuộc phạm vi quản lý.

**2. Nội dung đánh giá chương trình, dự án thực hiện theo quy định tại Điều 81 của Luật Đầu tư công.**

**Điều 24. Đánh giá dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước và các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước từ 30% trở lên hoặc trên 500 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư dự án.**

##### **1. Chế độ đánh giá dự án đầu tư:**

a) Các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A phải thực hiện đánh giá ban đầu, đánh giá giữa kỳ, đánh giá kết thúc và đánh giá tác động, các dự án khác phải thực hiện đánh giá kết thúc.

b) Ngoài quy định tại điểm a khoản này, cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp, cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng vốn nhà nước và cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư quyết định thực hiện các loại đánh giá khác khi cần thiết, phù hợp với yêu cầu và điều kiện cụ thể của từng dự án.

## 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá dự án đầu tư:

a) Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá ban đầu, giữa kỳ và kết thúc dự án đầu tư.

b) Cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp, cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng vốn nhà nước và cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư thực hiện các loại đánh giá theo kế hoạch và đánh giá đột xuất dự án thuộc phạm vi quản lý.

3. Nội dung đánh giá dự án thực hiện theo quy định tại Điều 80 của Luật Đầu tư công.

## **Điều 25. Nội dung đánh giá dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư**

### 1. Chế độ đánh giá dự án đầu tư:

a) Các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A phải thực hiện đánh giá giữa kỳ, đánh giá kết thúc và đánh giá tác động, các dự án khác phải thực hiện đánh giá kết thúc.

b) Ngoài quy định tại điểm a khoản này, người quyết định đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư quyết định thực hiện các loại đánh giá khác khi cần thiết, phù hợp với yêu cầu và điều kiện cụ thể của từng dự án.

### 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá dự án đầu tư:

a) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết Hợp đồng dự án chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá giữa kỳ và kết thúc dự án đầu tư.

b) Người quyết định đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư thực hiện các loại đánh giá theo kế hoạch và đánh giá đột xuất dự án thuộc phạm vi quản lý.

3. Nội dung đánh giá dự án thực hiện theo quy định tại Điều 80 của Luật Đầu tư công.

## **Điều 26. Đánh giá dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác**

1. Khuyến khích Chủ đầu tư dự án sử dụng các nguồn vốn khác thực hiện các đánh giá dự án đầu tư như quy định tại Nghị định này.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư quyết định việc tổ chức đánh giá dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác khi cần thiết và phù hợp với yêu cầu về quản lý hoạt động đầu tư.

3. Nội dung đánh giá dự án thực hiện theo quy định tại Điều 80 của Luật Đầu tư công.

#### **Chương IV**

### **GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ TỔNG THỂ ĐẦU TƯ**

#### **Điều 27. Nội dung theo dõi tổng thể đầu tư**

Cập nhật và phân tích các nội dung sau:

1. Việc ban hành văn bản hướng dẫn các chính sách, pháp luật liên quan đến đầu tư theo thẩm quyền.

2. Việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý thực hiện các quy hoạch.

3. Việc lập, thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư.

4. Việc thực hiện kế hoạch đầu tư công theo quy định tại Điều 77 của Luật Đầu tư công.

5. Việc lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

6. Việc lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện các dự án đầu tư của Doanh nghiệp nhà nước và các dự án sử dụng vốn nhà nước.

7. Việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và quản lý thực hiện các dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư.

8. Việc tổ chức thực hiện công tác giám sát và đánh giá đầu tư.

#### **Điều 28. Nội dung kiểm tra tổng thể đầu tư**

1. Việc thực hiện các quy định của các văn bản hướng dẫn các chính sách, pháp luật liên quan đến đầu tư.

2. Việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý thực hiện các quy hoạch.

3. Việc lập, thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư.

4. Việc thực hiện kế hoạch đầu tư công theo quy định tại Điều 77 của Luật Đầu tư công.

5. Việc lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

6. Việc lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện các dự án đầu tư của Doanh nghiệp nhà nước và các dự án sử dụng vốn nhà nước.

7. Việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và quản lý thực hiện các dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư.

8. Việc tổ chức thực hiện công tác giám sát và đánh giá đầu tư.

### **Điều 29. Nội dung đánh giá tổng thể đầu tư**

1. Tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình và kết quả đầu tư của nền kinh tế theo các chỉ tiêu về quy mô, tốc độ, cơ cấu, tiến độ, hiệu quả đầu tư.

2. Đánh giá mức độ đạt được so với quy hoạch được duyệt, nhiệm vụ kế hoạch hoặc so với mức đạt được của kỳ trước; đánh giá tính khả thi của các quy hoạch, kế hoạch được duyệt.

3. Đánh giá kế hoạch đầu tư công theo quy định tại Điều 78 của Luật Đầu tư công.

4. Đánh giá tổng thể về tình hình quản lý đầu tư.

5. Xác định các yếu tố, nguyên nhân ảnh hưởng tới tình hình và kết quả đầu tư; đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư trong kỳ hoặc giai đoạn kế hoạch sau.

## **Chương V GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG**

### **Điều 30. Quyền giám sát đầu tư của cộng đồng**

1. Công dân sinh sống trên địa bàn xã giám sát các dự án đầu tư thông qua Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều 83 Luật Đầu tư công và Nghị định này.

2. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được quyền:

a) Yêu cầu các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cung cấp các thông tin về quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng, quy hoạch xây dựng chi tiết các khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp và kế hoạch đầu tư có liên quan trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật;

b) Yêu cầu các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trả lời về các vấn đề thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

c) Yêu cầu chủ chương trình, chủ đầu tư trả lời, cung cấp các thông tin phục vụ việc giám sát đầu tư: Quyết định đầu tư; thông tin về chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, địa chỉ liên hệ; tiến độ và kế hoạch đầu tư; diện tích chiếm đất và sử dụng đất; quy hoạch mặt bằng chi tiết và phương án kiến trúc; đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư; phương án xử lý chất thải và bảo vệ môi trường. Đối với các dự án được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 3 Nghị định này và các dự án đầu tư công phục vụ trực tiếp cho dân sinh trên địa bàn xã, ngoài các nội dung trên, chủ chương trình, chủ đầu tư có trách

nhiệm cung cấp thêm thông tin về quy trình, quy phạm kỹ thuật, chủng loại và định mức vật tư; kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình;

d) Các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, chủ chương trình, chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp các tài liệu tại mục a, b, c khoản này cho Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

3. Kiến nghị các cấp có thẩm quyền đình chỉ thực hiện đầu tư, vận hành dự án trong các trường hợp sau:

a) Dự án có ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất, an ninh, văn hoá - xã hội, môi trường sinh sống của cộng đồng;

b) Chủ đầu tư không thực hiện công khai thông tin về chương trình, dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

4. Phản ánh với các cơ quan nhà nước về kết quả giám sát đầu tư của cộng đồng và kiến nghị các biện pháp xử lý.

### **Điều 31. Nội dung giám sát đầu tư của cộng đồng**

1. Nội dung giám sát đầu tư của cộng đồng đối với các chương trình, dự án đầu tư công:

a) Theo dõi, kiểm tra sự phù hợp của quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch liên quan và kế hoạch đầu tư trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật;

b) Theo dõi, kiểm tra việc chủ đầu tư chấp hành các quy định về: chỉ giới đất đai và sử dụng đất; quy hoạch mặt bằng chi tiết, phương án kiến trúc, xây dựng; xử lý chất thải, bảo vệ môi trường; đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư; tiến độ, kế hoạch đầu tư;

c) Phát hiện những việc làm xâm hại đến lợi ích của cộng đồng; những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường sinh sống của cộng đồng trong quá trình thực hiện đầu tư, vận hành dự án.

d) Phát hiện những việc làm gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản thuộc dự án.

đ) Việc thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình đầu tư.

2. Nội dung giám sát đầu tư của cộng đồng đối với các chương trình, dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước, các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư thực hiện như quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Nội dung giám sát đầu tư của cộng đồng đối với các dự án đầu tư từ nguồn vốn khác thực hiện theo các điểm a, b, c, đ khoản 1 Điều này.

4. Nội dung giám sát đầu tư của cộng đồng đối với các chương trình, dự án đầu tư có nguồn vốn và công sức của cộng đồng hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho xã:

- a) Thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) Theo dõi, kiểm tra việc tuân thủ các quy trình, quy phạm kỹ thuật, định mức và chủng loại vật tư theo quy định; theo dõi, kiểm tra kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình.

### **Điều 32. Tổ chức giám sát đầu tư của cộng đồng**

#### 1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã:

a) Chủ trì thành lập một hoặc một số Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng để tổ chức thực hiện giám sát chương trình, dự án trên địa bàn. Thành phần của Ban không quá 07 người, nhiệm kỳ không quá 03 năm, gồm đại diện Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam cấp xã, Thanh tra nhân dân và đại diện người dân trên địa bàn.

b) Lập kế hoạch giám sát đầu tư của cộng đồng đối với các chương trình, dự án trên địa bàn và thông báo cho chủ chương trình, chủ đầu tư, ban quản lý chương trình, dự án về kế hoạch và thành phần Ban Giám sát của cộng đồng chậm nhất 45 ngày trước khi thực hiện.

c) Hướng dẫn Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát đầu tư theo quy định của pháp luật và Nghị định này; hỗ trợ Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng trong việc thông tin liên lạc, lập và gửi các Báo cáo giám sát đầu tư của cộng đồng.

d) Hướng dẫn, động viên cộng đồng tích cực thực hiện quyền giám sát đầu tư theo quy định của Nghị định này.

đ) Xác nhận các văn bản phản ánh, kiến nghị của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng trước khi gửi các cơ quan có thẩm quyền.

2. Chủ tịch UBND xã căn cứ điều kiện của xã, bố trí địa điểm làm việc để các Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng tổ chức các cuộc họp và lưu trữ các tài liệu phục vụ giám sát đầu tư của cộng đồng; tạo điều kiện sử dụng các phương tiện thông tin, liên lạc của UBND xã phục vụ giám sát đầu tư của cộng đồng.

#### 3. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng:

a) Tổ chức thực hiện giám sát đầu tư của cộng đồng theo chương trình, kế hoạch đã đề ra; tiếp nhận các thông tin do công dân phản ánh để gửi tới các cơ quan quản lý có thẩm quyền theo quy định của Nghị định này; tiếp nhận và thông tin cho công dân biết ý kiến trả lời của các cơ quan quản lý có thẩm quyền về những kiến nghị của mình.

b) Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã về kết quả giám sát đầu tư của cộng đồng.

## **CHƯƠNG VI**

### **CHI PHÍ THỰC HIỆN GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ**

#### **Điều 33. Chi phí giám sát, đánh giá đầu tư**

1. Chi phí giám sát, đánh giá đầu tư là toàn bộ chi phí cần thiết để cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện việc giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định tại Nghị định này.

2. Chi phí giám sát, đánh giá đầu tư, bao gồm:

a) Chi phí cho công tác giám sát, đánh giá đầu tư do cơ quan quản lý nhà nước thực hiện được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước theo kế hoạch hàng năm của cơ quan thực hiện nhiệm vụ này;

b) Chi phí cho công tác giám sát, đánh giá đầu tư do Người có thẩm quyền quyết định đầu tư, Chủ chương trình, Chủ đầu tư, Nhà đầu tư, cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án tự thực hiện hoặc thuê tư vấn thực hiện được tính trong tổng mức đầu tư chương trình, dự án;

c) Chi phí cho công tác giám sát, đánh giá đầu tư của các Chủ sử dụng dự án được tính trong chi phí khai thác, vận hành dự án;

d) Chi phí hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước theo kế hoạch hàng năm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã, huyện, tỉnh.

#### **Điều 34. Nguồn vốn thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư**

1. Nguồn chi thường xuyên của các tổ chức được giao nhiệm vụ giám sát, đánh giá đầu tư dành cho công tác giám sát, đánh giá đầu tư.

2. Nguồn chi đầu tư được tính trong tổng mức đầu tư của chương trình, dự án.

3. Nguồn chi thường xuyên của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã, huyện, tỉnh dành cho công tác giám sát đầu tư của cộng đồng.

4. Nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ giám sát, đánh giá đầu tư quy định tại Nghị định này sử dụng vốn ngân sách nhà nước hoặc các nguồn vốn đầu tư khác để thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư phải đảm bảo đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả theo chế độ quản lý tài chính hiện hành của nhà nước và quy định tại Nghị định này.

#### **Điều 35. Nội dung chi phí giám sát, đánh giá đầu tư**

1. Chi cho công tác theo dõi chương trình, dự án đầu tư:

a) Chi mua văn phòng phẩm, vật tư, trang thiết bị phục vụ trực tiếp cho công tác theo dõi chương trình, dự án đầu tư;



b) Chi phí cho thông tin, liên lạc phục vụ trực tiếp cho công tác theo dõi chương trình, dự án đầu tư;

c) Chi phí sao chụp, đánh máy, gửi tài liệu, gửi báo cáo;

d) Chi phí hành chính cho các cuộc họp, hội nghị;

đ) Chi phí xây dựng báo cáo định kỳ theo quy định;

e) Chi phí tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ;

g) Chi phí cho việc lập và cập nhật báo cáo vào hệ thống thông tin phục vụ giám sát, đánh giá đầu tư;

2. Chi cho công tác kiểm tra chương trình, dự án đầu tư:

a) Chi mua văn phòng phẩm, vật tư, trang thiết bị phục vụ trực tiếp cho công tác kiểm tra chương trình, dự án đầu tư;

b) Chi phí cho thông tin, liên lạc phục vụ trực tiếp cho công tác kiểm tra chương trình, dự án đầu tư;

c) Chi phí sao chụp, đánh máy, gửi tài liệu, gửi báo cáo;

d) Chi phí hành chính cho các cuộc họp, hội nghị;

đ) Chi phí tàu xe đi lại và cước hành lý, tài liệu mang theo để làm việc (nếu có); tiền phụ cấp lưu trú, tiền thuê chỗ ở cho người đi công tác.

e) Chi phí xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra;

3. Chi cho công tác đánh giá chương trình, dự án đầu tư:

a) Chi mua văn phòng phẩm, vật tư, trang thiết bị phục vụ trực tiếp cho công tác đánh giá chương trình, dự án đầu tư;

b) Chi phí cho thông tin, liên lạc phục vụ trực tiếp cho công tác đánh giá chương trình, dự án đầu tư;

c) Chi phí sao chụp, đánh máy, gửi tài liệu, gửi báo cáo;

d) Chi phí hành chính cho các cuộc họp, hội nghị;

đ) Chi phí tàu xe đi lại và cước hành lý, tài liệu mang theo để làm việc (nếu có); tiền phụ cấp lưu trú, tiền thuê chỗ ở cho người đi công tác.

e) Chi phí xây dựng báo cáo kết quả đánh giá chương trình, dự án;

g) Chi phí thuê chuyên gia, tư vấn.

4. Chi cho công tác giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư:

a) Chi mua văn phòng phẩm, vật tư, trang thiết bị phục vụ trực tiếp cho công tác giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư;

b) Chi phí cho thông tin, liên lạc phục vụ trực tiếp cho công tác giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư;

c) Chi phí sao chụp, đánh máy, gửi tài liệu, gửi báo cáo;

- d) Chi phí hành chính cho các cuộc họp, hội nghị;
- đ) Chi phí tàu xe đi lại và cước hành lý, tài liệu mang theo để làm việc (nếu có); tiền phụ cấp lưu trú, tiền thuê chỗ ở cho người đi công tác.
- e) Chi phí xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra tổng thể đầu tư;
- g) Chi phí xây dựng báo cáo kết quả giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư;
- h) Chi phí thuê chuyên gia, tư vấn.

5. Chi phí cho việc vận hành Hệ thống thông tin phục vụ giám sát, đánh giá đầu tư.

6. Chi phí hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng gồm:

a) Chi phí mua văn phòng phẩm; thông tin, liên lạc phục vụ giám sát đầu tư của cộng đồng;

b) Chi phí sao chụp, đánh máy, gửi tài liệu, gửi báo cáo giám sát đầu tư của cộng đồng;

c) Chi phí hành chính cho các cuộc họp, hội nghị về giám sát đầu tư của cộng đồng;

d) Chi phí tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn về giám sát đầu tư của cộng đồng;

đ) Chi thù lao trách nhiệm cho các thành viên của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

### **Điều 36. Định mức chi phí giám sát, đánh giá đầu tư**

1. Định mức chi phí giám sát, đánh giá đầu tư được xác định theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Định mức chi phí quy định tại Khoản 1 Điều này là mức trần chi phí để các cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư lập kế hoạch giám sát, đánh giá đầu tư.

### **Điều 37. Quản lý, sử dụng chi phí giám sát, đánh giá đầu tư**

1. Quản lý, sử dụng chi phí giám sát, đánh giá đầu tư của Người có thẩm quyền quyết định đầu tư, Chủ chương trình đầu tư công, Chủ đầu tư dự án đầu tư công:

a) Chi phí giám sát, đánh giá đầu tư được quản lý và sử dụng như chi phí quản lý dự án. Việc tạm ứng, thanh toán chi phí giám sát đánh giá đầu tư được thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý cấp phát thanh toán vốn đầu tư.

b) Trường hợp Chủ chương trình hoặc Chủ đầu tư thuê tư vấn thực hiện đánh giá dự án đầu tư thì việc quản lý chi phí này như quản lý chi phí dịch vụ tư vấn. Việc tạm ứng, thanh toán vốn cho tư vấn đánh giá dự án đầu tư được thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý cấp phát, thanh toán vốn đầu tư đối các tổ chức tư vấn đầu tư và xây dựng.

2. Quản lý, sử dụng chi phí giám sát, đánh giá đầu tư của Chủ đầu tư dự án của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, Chủ đầu tư dự án sử dụng vốn nhà nước và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ký kết và thực hiện Hợp đồng PPP thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Quản lý, sử dụng chi phí giám sát, đánh giá đầu tư của Nhà đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn khác: Nhà đầu tư tự quản lý và sử dụng nguồn kinh phí giám sát, đánh giá đầu tư theo tính chất quản lý nguồn vốn đầu tư của dự án.

4. Quản lý, sử dụng chi phí giám sát, đánh giá đầu tư của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền:

a) Căn cứ định mức chi phí giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều 36 Nghị định này, hàng năm cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền lập kế hoạch và dự toán chi phí giám sát, đánh giá đầu tư vào dự toán chi thường xuyên.

b) Chi phí giám sát, đánh giá đầu tư được chi cho các nội dung theo quy định tại Điều 35 Nghị định này.

c) Việc quản lý chi phí giám sát, đánh giá đầu tư thực hiện theo quy định về quản lý và sử dụng nguồn chi thường xuyên của cơ quan có thẩm quyền hoặc theo Luật Ngân sách nhà nước.

d) Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thuê tư vấn để thực hiện đánh giá chương trình, dự án đầu tư thì việc quản lý chi phí này như quản lý chi phí dịch vụ tư vấn. Việc tạm ứng, thanh toán vốn cho tư vấn đánh giá chương trình, dự án được thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý cấp phát, thanh toán vốn đầu tư đối các tổ chức tư vấn đầu tư và xây dựng.

5. Quản lý, sử dụng chi phí hỗ trợ giám sát, đánh giá đầu tư của cộng đồng:

a) Chi phí hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn xã được cân đối trong dự toán chi của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và do ngân sách xã đảm bảo. Việc lập dự toán, cấp phát, thanh toán và quyết toán kinh phí cho Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện theo quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã.

b) Chi phí hỗ trợ công tác tuyên truyền, tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn, sơ kết, tổng kết về giám sát đầu tư của cộng đồng ở cấp huyện, tỉnh được cân đối trong dự toán chi của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện, cấp tỉnh và do ngân sách huyện, tỉnh đảm bảo.

6. Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán chi phí giám sát, đánh giá đầu tư.

**Chương VII**  
**ĐIỀU KIỆN NĂNG LỰC CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN TƯ VẤN**  
**ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

**Điều 38. Năng lực của cá nhân khi thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư**

1. Cá nhân khi thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư phải có đủ điều kiện năng lực theo quy định và phù hợp với tính chất công việc của từng dự án đầu tư.

2. Cá nhân thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư phải có văn bằng, chứng chỉ đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ đánh giá dự án đầu tư do các cơ sở đào tạo hợp pháp của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp.

3. Năng lực của cá nhân thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư được phân hạng dựa trên các tiêu chí sau:

- a) Trình độ chuyên môn được đào tạo;
- b) Kinh nghiệm thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư hoặc kinh nghiệm thực hiện các công việc liên quan đến quản lý đầu tư (lập dự án đầu tư; thẩm định, thẩm tra dự án đầu tư; quản lý dự án đầu tư).

**Điều 39. Năng lực của tổ chức thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư**

1. Các tổ chức thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư phải có đủ điều kiện năng lực phù hợp với các quy định tại Nghị định này.

2. Năng lực của tổ chức thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư được phân hạng dựa trên cơ sở các tiêu chí sau:

- a) Năng lực của các cá nhân trong tổ chức;
- b) Khả năng tài chính, số lượng lao động, thiết bị máy móc (kể cả các phần mềm hỗ trợ) thực có của tổ chức hoặc do tổ chức thuê để thực hiện theo yêu cầu của công việc.

**Điều 40. Điều kiện năng lực của cá nhân thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư**

1. Năng lực của cá nhân thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư được phân thành 02 hạng: Hạng 1 và Hạng 2.

2. Năng lực của cá nhân thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư hạng 2:

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên;
- b) Đã có thời gian tham gia các công việc liên quan đến quản lý đầu tư tối thiểu là 5 năm;

c) Đã tham gia thực hiện đánh giá dự án đầu tư hoặc lập dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu khả thi) hoặc thẩm tra, thẩm định hoặc quản lý đầu tư tối thiểu 05 dự án.

d) Đã được học qua lớp đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ đánh giá dự án đầu tư và được cấp chứng chỉ đào tạo do các Cơ sở đào tạo đánh giá dự án đầu tư hợp pháp của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp.

3. Năng lực của cá nhân thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư hạng 1:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên;

b) Đã đạt tiêu chuẩn tư vấn đánh giá dự án đầu tư hạng 2 tối thiểu 3 năm hoặc có thời gian tham gia các công việc liên quan đến quản lý đầu tư tối thiểu là 8 năm;

c) Đã tham gia thực hiện đánh giá dự án đầu tư hoặc lập dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu khả thi) hoặc thẩm tra, thẩm định hoặc quản lý đầu tư tối thiểu 02 dự án nhóm A trở lên.

d) Đã được học qua lớp đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ đánh giá dự án đầu tư và được cấp chứng chỉ đào tạo do Các cơ sở đào tạo đánh giá dự án đầu tư hợp pháp của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp.

4. Phạm vi hoạt động:

a) Hạng 2: Được tham gia thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư đối với dự án nhóm B, C;

b) Hạng 1: Được tham gia thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, B, C.

**Điều 41. Điều kiện năng lực của chủ trì thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư**

1. Chủ trì thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư được phân thành 02 hạng: Hạng 1 và Hạng 2.

2. Năng lực chủ trì thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư hạng 2:

a) Đáp ứng điều kiện của cá nhân thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư hạng 2 theo quy định tại Khoản 2 Điều 40 Nghị định này;

b) Đã chủ trì thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư hoặc chủ trì lập dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu khả thi) hoặc chủ trì thẩm định, thẩm tra hoặc làm giám đốc Ban quản lý dự án tối thiểu 05 dự án.

3. Năng lực chủ trì thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư hạng 1:

a) Đáp ứng điều kiện của cá nhân thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư hạng 1 theo quy định tại Khoản 3 Điều 40 Nghị định này;

b) Đã chủ trì thực hiện đánh giá dự án đầu tư hoặc chủ trì lập dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu khả thi) hoặc chủ trì thẩm tra, thẩm định hoặc làm Giám đốc Ban quản lý đầu tư tối thiểu 02 dự án nhóm A trở lên.

4. Phạm vi hoạt động:

a) Hạng 2: Được chủ trì thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư đối với dự án nhóm B, C;

b) Hạng 1: Được chủ trì thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, B, C.

**Điều 42. Điều kiện năng lực của tổ chức thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư**

1. Năng lực của tổ chức khi thực hiện hoạt động tư vấn đánh giá dự án đầu tư được phân thành 2 hạng như sau:

a) Hạng 2: Có ít nhất 5 người có đủ điều kiện năng lực thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư, trong đó có ít nhất 01 người có đủ điều kiện chủ trì thực hiện tư vấn đánh giá hạng 2 theo quy định tại Khoản 2 Điều 41 Nghị định này.

b) Hạng 1: Có ít nhất 5 người có đủ điều kiện năng lực của cá nhân thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư hạng 1, trong đó có ít nhất 01 người có đủ điều kiện chủ trì thực hiện tư vấn đánh giá hạng 1 theo quy định tại Khoản 3 Điều 41 Nghị định này.

2. Phạm vi hoạt động của tổ chức thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư:

a) Hạng 2: Được thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư dự án nhóm B, C;

b) Hạng 1: Được thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, B, C.

**Điều 43. Điều kiện năng lực của Cơ sở đào tạo đánh giá dự án đầu tư.**

1. Cơ sở đào tạo đánh giá dự án đầu tư phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có tư cách pháp nhân và chức năng hoạt động phù hợp theo quy định của pháp luật;

b) Có ít nhất 5 giảng viên đánh giá dự án đầu tư đáp ứng quy định tại Khoản 2 Điều này;

c) Có tài liệu giảng dạy đáp ứng quy định tại Nghị định này;

d) Có tên trong danh sách Cơ sở đào tạo đánh giá dự án đầu tư do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý.

2. Giảng viên đánh giá dự án đầu tư phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Tốt nghiệp đại học trở lên;

b) Có ít nhất 8 năm kinh nghiệm một trong các hoạt động: Tư vấn đánh giá dự án đầu tư; lập, thẩm định, thẩm tra dự án đầu tư; quản lý nhà nước về

đầu tư; thực hiện soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn về lập, thẩm định, đánh giá, quản lý dự án đầu tư;

c) Có tên trong danh sách giảng viên đánh giá dự án đầu tư do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục công nhận Cơ sở đào tạo đánh giá dự án đầu tư và quản lý đào tạo nghiệp vụ về giám sát, đánh giá đầu tư.

## **Chương VIII**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ**

#### **Điều 44. Hệ thống thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư**

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối giúp Thủ tướng Chính phủ tổ chức thực hiện giám sát và đánh giá đầu tư. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Hướng dẫn, theo dõi và tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về công tác giám sát, đánh giá đầu tư trong toàn quốc;

b) Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư trong phạm vi toàn quốc;

c) Chủ trì giám sát, đánh giá các chương trình, dự án quan trọng quốc gia;

d) Chủ trì và phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương liên quan thực hiện kiểm tra, đánh giá các dự án nhóm A và các dự án cần thiết khác theo kế hoạch;

đ) Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá dự án đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của mình (kể cả các dự án phân cấp và ủy quyền cho cấp dưới quyết định đầu tư);

e) Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá dự án do Bộ cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

g) Kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ hoặc với các Bộ, ngành, địa phương liên quan về các giải pháp nhằm khắc phục những vướng mắc trong hoạt động đầu tư của các ngành, các địa phương hoặc đối với các dự án cụ thể để đảm bảo tiến độ và hiệu quả đầu tư;

h) Xem xét, có ý kiến hoặc giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ khi có yêu cầu của các Bộ, ngành khác, địa phương và Chủ đầu tư;

i) Xây dựng và vận hành hệ thống thông tin phục vụ giám sát, đánh giá đầu tư;

k) Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến giám sát và đánh giá đầu tư khi Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu.

2. Các Bộ, cơ quan ngang bộ có nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý;

b) Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của mình (kể cả các dự án phân cấp và ủy quyền cho cấp dưới quyết định đầu tư);

c) Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá dự án đầu tư của các doanh nghiệp do nhà nước nắm trên 50% vốn điều lệ thuộc quyền quản lý;

d) Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư với vai trò là cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết Hợp đồng;

đ) Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá chuyên ngành việc đáp ứng các điều kiện đầu tư kinh doanh đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền;

e) Phối hợp theo kế hoạch với Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thực hiện kiểm tra, đánh giá dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình;

g) Giải quyết các kiến nghị của các Bộ, ngành, địa phương và Chủ đầu tư những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình;

h) Có ý kiến hoặc giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ, ngành khi có yêu cầu của các Bộ, ngành khác, địa phương và Chủ đầu tư;

i) Báo cáo về công tác giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý của mình và giám sát, đánh giá dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của mình theo chế độ quy định;

k) Cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin báo cáo vào hệ thống thông tin phục vụ giám sát, đánh giá đầu tư.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư trong phạm vi quản lý của địa phương;

b) Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của mình (kể cả các dự án phân cấp và ủy quyền cho cấp dưới quyết định đầu tư);

c) Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá dự án đầu tư của các doanh nghiệp do nhà nước nắm trên 50% vốn điều lệ thuộc quyền quản lý.

d) Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá các dự án do mình cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;



đ) Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư với vai trò là cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết Hợp đồng;

e) Giám sát việc thực hiện theo quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất đai, đảm bảo môi trường của các dự án trên địa bàn của tỉnh, thành phố; có ý kiến hoặc giải quyết kịp thời các vấn đề về giải phóng mặt bằng, sử dụng đất thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình khi có yêu cầu của các Bộ, ngành và Chủ đầu tư;

g) Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ hoặc các Bộ, ngành về những vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư chung của địa phương và liên quan đến các dự án thuộc thẩm quyền quản lý của mình để giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc đảm bảo tiến độ và hiệu quả đầu tư;

h) Báo cáo về công tác giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư trong phạm vi quản lý của mình và giám sát, đánh giá dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của mình theo chế độ quy định;

i) Cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin báo cáo vào hệ thống thông tin phục vụ giám sát, đánh giá đầu tư.

4. Các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và các doanh nghiệp mà nhà nước nắm có các nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Tổ chức giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư trong phạm vi quản lý của doanh nghiệp;

b) Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá các dự án do mình quyết định đầu tư hoặc thuộc quyền quản lý;

c) Báo cáo về công tác giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư và giám sát, đánh giá dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quản lý theo chế độ quy định.

5. Chủ chương trình đầu tư công, Chủ đầu tư, Chủ sử dụng dự án đầu tư công có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá chương trình, dự án theo quy định tại Nghị định này;

b) Thiết lập hệ thống thông tin nội bộ, thu thập và lưu trữ đầy đủ thông tin, dữ liệu, hồ sơ, tài liệu, sổ sách, chứng từ của dự án, báo cáo của các nhà thầu, những thay đổi về chính sách, luật pháp của Nhà nước, các quy định của nhà tài trợ liên quan đến việc quản lý thực hiện dự án (nếu dự án có sử dụng nguồn vốn ODA);

c) Báo cáo kịp thời cơ quan quản lý cấp trên xử lý các vướng mắc, phát sinh vượt thẩm quyền;

d) Lập báo cáo giám sát và đánh giá dự án theo quy định;

đ) Cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin báo cáo vào hệ thống thông tin phục vụ giám sát, đánh giá đầu tư.

#### 6. Nhà đầu tư có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá dự án theo quy định tại Nghị định này;

b) Thiết lập hệ thống thông tin nội bộ, thu thập và lưu trữ đầy đủ thông tin, dữ liệu, hồ sơ, tài liệu, sổ sách, chứng từ của dự án, báo cáo của các nhà thầu liên quan đến việc quản lý thực hiện dự án;

c) Báo cáo kịp thời cơ quan quản lý xử lý các vướng mắc, phát sinh vượt thẩm quyền;

d) Lập báo cáo giám sát và đánh giá dự án theo quy định;

đ) Cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin báo cáo vào hệ thống thông tin phục vụ giám sát, đánh giá đầu tư.

#### **Điều 45 . Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư**

1. Các Bộ, ngành phân công một đơn vị trực thuộc (cấp Vụ) làm đầu mối thực hiện các nhiệm vụ về giám sát, đánh giá đầu tư của Bộ, ngành mình; hướng dẫn thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư đối với các đơn vị khác trực thuộc, các dự án được Bộ, ngành phân cấp hoặc uỷ quyền cho cấp dưới.

2. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao Sở Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối thực hiện các nhiệm vụ về giám sát, đánh giá đầu tư của tỉnh, thành phố; hướng dẫn thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư đối với các cấp, đơn vị trực thuộc, các dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phân cấp hoặc uỷ quyền cho cấp dưới.

3. Các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ chỉ định bộ phận chịu trách nhiệm thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ về giám sát, đánh giá đầu tư của doanh nghiệp; hướng dẫn thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư đối với các đơn vị trực thuộc.

4. Chủ chương trình, Chủ đầu tư, Chủ sử dụng dự án giao Ban quản lý dự án hoặc chỉ định bộ phận chịu trách nhiệm thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ về giám sát, đánh giá đầu tư đối với các dự án thuộc phạm vi quản lý của mình.

5. Nhà đầu tư sử dụng Doanh nghiệp dự án hoặc chỉ định bộ phận chịu trách nhiệm thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ về giám sát, đánh giá đầu tư đối với các dự án thuộc phạm vi quản lý của mình.

#### **Điều 46. Nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư**

1. Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư có chức năng giúp lãnh đạo các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, các doanh nghiệp và nhà đầu tư thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư có nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Có kế hoạch theo dõi, kiểm tra, đánh giá đầu tư do cấp có thẩm quyền thông qua và tổ chức thực hiện các công việc theo dõi, kiểm tra, đánh giá đầu tư trong phạm vi trách nhiệm được giao;

b) Tổ chức hệ thống cung cấp và lưu trữ thông tin về tình hình đầu tư trong phạm vi của Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp hoặc các dự án (đối với các Chủ đầu tư) do mình quản lý;

c) Thu thập các báo cáo, thông tin liên quan phục vụ theo dõi, kiểm tra, đánh giá đầu tư theo từng đối tượng quy định;

d) Thực hiện xem xét, phân tích, đánh giá các thông tin, báo cáo, lập Báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư phù hợp với nội dung và yêu cầu quy định trình các cấp có thẩm quyền xem xét.

2. Cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư có các quyền hạn sau:

a) Yêu cầu các cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư ở các cấp liên quan báo cáo theo chế độ quy định, cung cấp các thông tin, tài liệu bổ sung liên quan đến nội dung giám sát, đánh giá đầu tư nếu cần thiết;

b) Trường hợp cần thiết có thể trao đổi trực tiếp với các cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư ở các cấp liên quan, Chủ đầu tư hoặc kiểm tra trực tiếp tại hiện trường. Khi kiểm tra trực tiếp tại hiện trường phải có kế hoạch, nội dung làm việc cụ thể và phải thông báo trước với các cơ quan, đơn vị liên quan;

c) Kiến nghị với cấp có thẩm quyền việc điều chỉnh dự án khi cần thiết hoặc huỷ bỏ quyết định đầu tư, đình chỉ, tạm dừng thực hiện các dự án đầu tư nếu trong quá trình giám sát, đánh giá đầu tư phát hiện có những sai phạm nghiêm trọng. Báo cáo cấp có thẩm quyền về việc vi phạm các quy định về giám sát, đánh giá đầu tư của Chủ đầu tư, của các cơ quan, đơn vị liên quan và kiến nghị các biện pháp xử lý theo mức độ vi phạm.

#### **Điều 47. Hệ thống thông tin phục vụ giám sát, đánh giá đầu tư**

1. Hệ thống thông tin phục vụ giám sát, đánh giá đầu tư bao gồm:

a) Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư công;

b) Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư trong nước;

c) Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài vào Việt Nam và đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng và vận hành Hệ thống thông tin phục vụ giám sát, đánh giá đầu tư; đánh giá việc vận hành hệ thống của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư ở trung ương và địa phương.

3. Các cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư và doanh nghiệp, nhà đầu tư có trách nhiệm cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan vào Hệ thống thông tin phục vụ giám sát, đánh giá đầu tư.

4. Thông tin về dự án đầu tư lưu trữ tại Hệ thống thông tin phục vụ giám sát, đánh giá đầu tư có giá trị pháp lý là thông tin gốc về dự án đầu tư.

#### **Điều 48. Chế độ báo cáo về giám sát, đánh giá đầu tư**

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư hằng năm, trong đó bao gồm nội dung báo cáo tổng hợp giám sát, đánh giá dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A trong phạm vi toàn quốc.

2. Các Bộ, ngành, địa phương, Tập đoàn kinh tế nhà nước và Tổng công ty Đầu tư kinh doanh vốn nhà nước lập và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư hằng quý và hằng năm.

Các Bộ, ngành, địa phương có thể giao cho đơn vị đầu mối thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư lập và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư hằng quý.

3. Kho bạc Nhà nước các cấp:

a) Kho bạc Nhà nước Trung ương hằng tháng, quý, năm báo cáo Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư về tình hình giải ngân các chương trình, dự án đầu tư công;

b) Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh hằng tháng, quý, năm báo cáo Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư về tình hình giải ngân các chương trình, dự án đầu tư công trên địa bàn.

4. Chủ chương trình, Chủ đầu tư các chương trình, dự án đầu tư công lập và gửi Người có thẩm quyền quyết định đầu tư và đơn vị đầu mối thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư các loại báo cáo sau:

a) Báo cáo trước khi khởi công dự án;

b) Báo cáo trước khi điều chỉnh dự án;

c) Báo cáo hằng tháng, hằng quý, hằng năm;

d) Đối với các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A và dự án sử dụng nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương, đồng thời phải gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo hằng quý, hằng năm và báo cáo quy định tại các điểm a và b khoản này.

4. Chủ sử dụng dự án đầu tư công hằng năm lập và gửi Người có thẩm quyền quyết định đầu tư, cơ quan đầu mối thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư; đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Báo cáo về tình hình khai thác, vận hành dự án.

6. Chủ đầu tư các dự án của doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ lập và gửi cơ quan chủ quản, người có thẩm quyền quyết định đầu tư và đơn vị đầu môi thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư các loại báo cáo sau:

- a) Báo cáo trước khi khởi công dự án;
  - b) Báo cáo trước khi điều chỉnh dự án;
  - c) Báo cáo hằng tháng, hằng quý, hằng năm trong giai đoạn thực hiện đầu tư;
  - d) Báo cáo trước khi bắt đầu khai thác, vận hành dự án;
  - đ) Báo cáo hằng tháng, hằng quý, hằng năm về tình hình khai thác, vận hành dự án.
- e) Đối với các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, đồng thời phải gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo hằng quý, hằng năm và báo cáo quy định tại các điểm a, b và d khoản này.

7. Nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức hợp tác công tư lập và gửi Người có thẩm quyền quyết định đầu tư và cơ quan cấp Giấy chứng đăng ký đầu tư các loại báo cáo sau:

- a) Báo cáo trước khi khởi công dự án;
  - b) Báo cáo trước khi điều chỉnh dự án;
  - c) Báo cáo hằng tháng, hằng quý, hằng năm trong giai đoạn thực hiện dự án;
  - d) Báo cáo trước khi bắt đầu khai thác, vận hành dự án;
  - đ) Báo cáo hằng tháng, hằng quý, hằng năm về tình hình khai thác, vận hành dự án.
- e) Đối với các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, đồng thời phải gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo hằng quý, hằng năm và báo cáo quy định tại các điểm a, b và d khoản này.

8. Nhà đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn khác lập và gửi cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và cơ quan đầu môi thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư của địa phương nơi thực hiện dự án đầu tư các loại báo cáo sau:

- a) Báo cáo trước khi khởi công dự án;
- b) Báo cáo trước khi điều chỉnh dự án;
- c) Báo cáo hằng tháng, hằng quý, hằng năm trong giai đoạn thực hiện đầu tư;
- d) Báo cáo trước khi bắt đầu khai thác, vận hành dự án;

đ) Báo cáo hằng tháng, hằng quý, hằng năm về tình hình khai thác, vận hành dự án.

9. Các cá nhân, tổ chức, cơ quan quy định tại các khoản từ 1 đến khoản 8 Điều này thực hiện:

a) Cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin báo cáo vào hệ thống thông tin phục vụ giám sát, đánh giá đầu tư trong hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư;

b) Báo cáo đột xuất khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

10. Chế độ báo cáo giám sát đầu tư của cộng đồng

a) Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng định kỳ hàng tháng báo cáo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã về tình hình thực hiện giám sát đầu tư của cộng đồng đối với chương trình, dự án được giao. Trường hợp phát hiện các vấn đề vi phạm hoặc có các kiến nghị khác về các chương trình, dự án trong quá trình giám sát đầu tư của cộng đồng, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng tổng hợp trình Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã để gửi kiến nghị tới các cơ quan liên quan.

b) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã định kỳ hằng năm, tổng hợp kết quả giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn xã gửi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã và Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư định kỳ hằng năm, tổng hợp, lập báo cáo kết quả giám sát đầu tư của cộng đồng tại địa phương, gửi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

#### **Điều 49 Thời hạn báo cáo và nội dung báo cáo**

1. Thời hạn báo cáo của Chủ chương trình, Chủ đầu tư và Nhà đầu tư:

a) Gửi Báo cáo trước khi khởi công dự án 15 ngày;

b) Báo cáo trước khi điều chỉnh dự án 15 ngày;

c) Báo cáo trước khi bắt đầu khai thác, vận hành dự án 15 ngày;

d) Gửi Báo cáo hằng tháng trước ngày 05 của tháng tiếp theo;

đ) Gửi Báo cáo hằng quý trước ngày 10 của tháng đầu quý tiếp theo;

e) Gửi Báo cáo hằng năm trước ngày 10 tháng 2 năm sau.

2. Thời hạn Báo cáo của Kho Bạc Nhà nước:

a) Gửi Báo cáo tháng trước ngày 05 của tháng tiếp theo;

b) Gửi Báo cáo quý trước ngày 10 của tháng đầu quý tiếp theo;

c) Gửi Báo cáo năm trước ngày 10 tháng 2 năm sau.

3. Thời hạn báo cáo của các Bộ, ngành, địa phương, Tập đoàn kinh tế nhà nước và Tổng công ty Đầu tư kinh doanh vốn nhà nước:

- a) Gửi Báo cáo quý trước ngày 20 của tháng đầu quý tiếp theo;
  - b) Gửi báo cáo năm trước ngày 28 tháng 2 năm sau.
4. Thời hạn báo cáo giám sát đầu tư của cộng đồng
- a) Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng gửi báo cáo trước ngày 05 của tháng tiếp theo;
  - b) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã gửi báo cáo năm trước ngày 10 tháng 2 năm sau;
  - c) Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi báo cáo năm trước ngày 20 tháng 2 năm sau.
5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ về công tác giám sát, đánh giá đầu tư hàng năm trước ngày 31 tháng 3 năm sau.
6. Mẫu biểu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

**Điều 50. Trách nhiệm và xử lý vi phạm của các cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư**

1. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư:
- a) Thủ trưởng các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp nhà nước và Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về các hậu quả do không tổ chức thực hiện việc giám sát, đánh giá đầu tư hoặc không báo cáo theo quy định;
  - b) Các cơ quan được giao nhiệm vụ thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư phải chịu trách nhiệm về nội dung các báo cáo của mình;
  - c) Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo của mình và phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về mọi hậu quả phát sinh do không thực hiện hay thực hiện không đầy đủ các quy định về giám sát, đánh giá đầu tư hoặc do báo cáo, cung cấp thông tin sai sự thực về tình hình thực hiện đầu tư trong phạm vi mình quản lý;
  - d) Các Bộ, ngành, địa phương phải xem xét và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh, các kiến nghị của cơ quan giám sát, đánh giá đầu tư, Chủ đầu tư về những vấn đề thuộc quyền hạn và trách nhiệm của mình trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của bên có liên quan và chịu trách nhiệm về việc xử lý thuộc thẩm quyền hoặc báo cáo kịp thời với cấp trên các vấn đề vượt thẩm quyền.

2. Xử lý vi phạm các quy định về giám sát, đánh giá đầu tư

- a) Đối với các dự án đầu tư công, dự án của doanh nghiệp nhà nước, Chủ đầu tư không thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo thì Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án và các cán bộ liên quan đến giám sát, đánh giá của Chủ đầu tư phải bị xử lý hành chính (2 kỳ liên không có báo cáo hoặc 3 kỳ không báo cáo, đề nghị

hình thức khiển trách; 3 kỳ liền không có báo cáo hoặc 6 kỳ không báo cáo, đề nghị cảnh cáo).

Các dự án chỉ được ghi vốn kế hoạch và giải ngân sau khi thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định tại Nghị định này.

b) Các cấp có thẩm quyền chỉ được điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư sau khi thực hiện đánh giá chương trình, dự án theo quy định tại Nghị định này.

3. Xử lý các vi phạm về quản lý đầu tư trong quá trình giám sát, đánh giá đầu tư:

a) Các cơ quan thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư báo cáo kịp thời các cấp có thẩm quyền những trường hợp vi phạm về quản lý đầu tư thuộc cấp mình quản lý để xử lý theo quy định;

b) Các cơ quan thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư cố tình che giấu các trường hợp vi phạm về quản lý đầu tư sẽ chịu trách nhiệm liên đới trước pháp luật về các sai phạm và hậu quả gây ra.

4. Hàng năm trên cơ sở báo cáo tổng hợp, đề xuất của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, ngành, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, quyết định xử lý đối với các Chủ chương trình, chủ đầu tư và các cơ quan liên quan trong việc thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư theo các hình thức:

a) Khiển trách, cảnh cáo;

b) Kiến nghị thay Chủ chương trình, Chủ đầu tư;

c) Không giao làm chủ đầu tư các dự án khác đối với các chủ đầu tư vi phạm.

d) Kiến nghị hình thức xử lý đối với các bộ, ngành, địa phương không thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư hoặc thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư không đúng thời hạn, không bảo chất lượng.

đ) Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình xử lý các vi phạm trong việc giám sát, đánh giá đầu tư.

## **Chương IX** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 51. Tổ chức thực hiện**

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.



2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

**Điều 52. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày .... tháng ..... năm 201.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 113/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về Giám sát và đánh giá đầu tư.

3. Các quy định trước đây của Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương trái với Nghị định này đều bãi bỏ./.

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty 91;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (5b).XH

## **Phụ lục I**

### **ĐỊNH MỨC CHI PHÍ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ**

#### **I. Chương trình đầu tư công**

**1. Cơ quan được giao chuẩn bị Chương trình đầu tư công**

Định mức chi phí theo dõi, kiểm tra: bằng 5% chi phí quản lý chương trình theo quy định hiện hành.

**2. Chủ dự án thành phần thuộc chương trình**

Định mức chi phí theo dõi, kiểm tra: Bằng 5% chi phí quản lý chương trình theo quy định hiện hành.

**3. Chủ chương trình**

- Định mức chi phí theo dõi, kiểm tra, đánh giá: Bằng 20% chi phí quản lý chương trình theo quy định hiện hành.

- Trường hợp chủ chương trình thuê tư vấn thực hiện đánh giá chương trình thì định mức chi phí thuê tư vấn không vượt quá 10% chi phí quản lý chương trình theo quy định hiện hành.

**4. Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư**

- Định mức chi phí theo dõi: Bằng 2% chi phí quản lý chương trình theo quy định hiện hành.

- Định mức chi phí kiểm tra: Bằng 6% chi phí quản lý chương trình theo quy định hiện hành.

- Định mức chi phí đánh giá: Bằng 10% chi phí quản lý chương trình theo quy định hiện hành.

#### **II. Dự án đầu tư công**

**1. Cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư dự án đầu tư công**

Định mức chi phí theo dõi, kiểm tra: bằng 5% chi phí quản lý dự án theo quy định hiện hành.

**2. Chủ đầu tư**

- Định mức chi phí theo dõi, kiểm tra, đánh giá: Bằng 20% chi phí quản lý dự án theo quy định hiện hành.

- Trường hợp chủ đầu tư thuê tư vấn thực hiện đánh giá dự án thì định mức chi phí thuê tư vấn không vượt quá 10% chi phí quản lý dự án theo quy định hiện hành.

**3. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư**

- Định mức chi phí theo dõi: Bằng 2% chi phí quản lý dự án theo quy định hiện hành.

- Định mức chi phí kiểm tra: Bằng 6% chi phí quản lý dự án theo quy định hiện hành.

- Định mức chi phí đánh giá: Bằng 10% chi phí quản lý dự án theo quy định hiện hành.

#### 4. Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư

- Định mức chi phí theo dõi: Bằng 2% chi phí quản lý dự án theo quy định hiện hành của dự án được tổ chức theo dõi.

- Định mức chi phí kiểm tra: Bằng 6% chi phí quản lý dự án theo quy định hiện hành của dự án được tổ chức kiểm tra.

- Định mức chi phí đánh giá: Bằng 10% chi phí quản lý dự án theo quy định hiện hành của dự án được tổ chức đánh giá.

### **III. Dự án theo hình thức đối tác công tư**

#### 1. Cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư dự án

Định mức chi phí theo dõi, kiểm tra: bằng 5% chi phí quản lý dự án theo quy định hiện hành.

#### 2. Nhà đầu tư và cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án

Định mức chi phí theo dõi, kiểm tra: bằng 5% chi phí quản lý dự án theo quy định hiện hành.

#### 3. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư

- Định mức chi phí theo dõi: Bằng 2% chi phí quản lý dự án theo quy định hiện hành.

- Định mức chi phí kiểm tra: Bằng 6% chi phí quản lý dự án theo quy định hiện hành.

- Định mức chi phí đánh giá: Bằng 10% chi phí quản lý dự án theo quy định hiện hành.

#### 4. Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư

- Định mức chi phí theo dõi: Bằng 2% chi phí quản lý dự án theo quy định hiện hành của dự án được tổ chức theo dõi.

- Định mức chi phí kiểm tra: Bằng 6% chi phí quản lý dự án theo quy định hiện hành của dự án được tổ chức kiểm tra.

- Định mức chi phí đánh giá: Bằng 10% chi phí quản lý dự án theo quy định hiện hành của dự án được tổ chức đánh giá.

### **IV. Dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước và dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước**

#### 1. Chủ đầu tư

- Định mức chi phí theo dõi, kiểm tra, đánh giá: Bằng 20% chi phí quản lý dự án theo quy định hiện hành.

- Trường hợp chủ đầu tư thuê tư vấn thực hiện đánh giá dự án thì định mức chi phí thuê tư vấn không vượt quá 10% chi phí quản lý dự án theo quy định hiện hành.

## 2. Người quyết định đầu tư

- Định mức chi phí theo dõi: Bằng 2% chi phí quản lý dự án theo quy định hiện hành.

- Định mức chi phí kiểm tra: Bằng 6% chi phí quản lý dự án theo quy định hiện hành.

- Định mức chi phí đánh giá: Bằng 10% chi phí quản lý dự án theo quy định hiện hành.

## 3. Cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp, Cơ quan có thẩm quyền quyết định việc sử dụng vốn nhà nước để đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư

- Định mức chi phí theo dõi: Bằng 2% chi phí quản lý dự án theo quy định hiện hành của dự án được tổ chức theo dõi.

- Định mức chi phí kiểm tra: Bằng 6% chi phí quản lý dự án theo quy định hiện hành của dự án được tổ chức kiểm tra.

- Định mức chi phí đánh giá: Bằng 10% chi phí quản lý dự án theo quy định hiện hành của dự án được tổ chức đánh giá.

## **V. Dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác**

### 1. Người có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đầu tư

- Định mức chi phí theo dõi: Bằng 2% chi phí quản lý dự án theo quy định hiện hành của dự án được tổ chức theo dõi.

- Định mức chi phí kiểm tra: Bằng 6% chi phí quản lý dự án theo quy định hiện hành của dự án được tổ chức kiểm tra.

- Định mức chi phí đánh giá: Bằng 10% chi phí quản lý dự án theo quy định hiện hành của dự án được tổ chức đánh giá.

### 2. Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư

- Định mức chi phí theo dõi: Bằng 2% chi phí quản lý dự án theo quy định hiện hành của dự án được tổ chức theo dõi.

- Định mức chi phí kiểm tra: Bằng 6% chi phí quản lý dự án theo quy định hiện hành của dự án được tổ chức kiểm tra.

- Định mức chi phí đánh giá: Bằng 10% chi phí quản lý dự án theo quy định hiện hành của dự án được tổ chức đánh giá.

## **VI. Đánh giá tổng thể đầu tư**

1. Các bộ, ngành, địa phương, tập đoàn kinh tế nhà nước và tổng công ty 91 của Nhà nước

Định mức chi phí đánh giá tổng thể đầu tư: Bằng 2% chi phí quản lý dự án theo quy định hiện hành của các dự án thuộc đối tượng đánh giá tổng thể đầu tư.

## **VII. Giám sát đầu tư của cộng đồng**

1. Mức kinh phí hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn xã bố trí phù hợp với kế hoạch hoạt động giám sát đầu tư của cộng đồng do Hội đồng nhân dân xã quyết định và đảm bảo mức kinh phí tối thiểu 5 triệu đồng/năm.

2. Kinh phí cho việc tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn về giám sát đầu tư của cộng đồng cho các thành viên Ban giám sát đầu tư của cộng đồng do ngân sách tỉnh và ngân sách huyện đảm bảo thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính